

**DANH MỤC GIÁ THẦU THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026 (LẦN 1)**

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
<b>Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024 - 2026 (Đợt 1: 88/QĐ-TTMS) Mã hiệu: ĐTTT 03.2024.1 (14/11/2024)</b>																
1	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	CORT221	Corneil-5	Bisoprolol fumarat	5mg	Viên nén tròn bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-19653-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	Viên	287	1.600.000
2	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	ZOLT227	Zolicef	Cefazoline	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893110832824	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	Lọ	17.388	20.000
3	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	MAGT243	Maxipin 1g	Cefepime	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893110832524 (VD-20325-13)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	chai/lọ	26.383	20.000
4	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	CEFT291	Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19007-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	Lọ	6.993	12.000
5	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	CEFT289	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19012-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	Lọ	14.763	24.000
6	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	TENT223	Tenamyd-Ceftazidime 2000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	2000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19448-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	88/QĐ-TTMS	chai/lọ	37.989	48.000
7	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ESOT207	Esovex-40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	40mg	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ	VN-19597-16	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	India	88/QĐ-TTMS	Lọ	15.900	10.000
8	Nhóm 1	Công Ty TNHH Dược Phẩm Salud	SOLT235	Solezol	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole natri)	40mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm/Truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	520110519424 (VN-21738-19)	Anfarm Hellas S.A.	Hy Lạp	88/QĐ-TTMS	Lọ	26.888	10.000
9	Nhóm 1	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	RAXT207	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) + Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri)	500mg + 500mg	Bột pha tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ; hộp 50 lọ	VN-16731-13	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	88/QĐ-TTMS	Lọ	61.150	24.000
10	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	MEMT299	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	VN-22922-21	Medochemie Ltd.-central Factory	Cyprus	88/QĐ-TTMS	Viên	7.266	40.000
11	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO	MEAT207	Meropenem/ Anfarm	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	500mg	bột pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	520110070523 (VN-20409-17)	Anfarm Hellas S.A.	Hy Lạp	88/QĐ-TTMS	Lọ	38.000	2.400
12	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	PAVT203	Pavinjec	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	40mg	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ	520110783324 (VN-21751-19)	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	88/QĐ-TTMS	Lọ	67.950	20.000
<b>Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024 - 2026 (Đợt 1-Lần 2: 98/QĐ-TTMS) Mã hiệu: ĐTTT 03.2024.1</b>																
1	Nhóm 1	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2	CUMT201	Curam 1000mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 8 viên	888110436823	Sandoz GmbH	Áo	98/QĐ-TTMS	Viên	5.946	160.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
2	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM IMEXPHARM	CEMT245	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted); Acid Clavulanic (dưới dạng kali Clavulanat - Avicel (1:1))	875mg ; 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 7 viên	VD-33452-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	5.250	400.000
3	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	INST213	Insuact 10	Atorvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110487024 (VD-29107-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	viên	259	1.200.000
4	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	INST209	Insuact 20	Atorvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110370523 (VD-30491-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	viên	311	3.200.000
5	Nhóm 1	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2	BIMT217	Bisoprolol 5mg	Bisoprolol fumarat	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 25 viên	VN-22178-19	Lek S.A	Ba Lan	98/QĐ-TTMS	Viên	604	200.000
6	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	BIOT213	Biofazolin	Cefazolin (dưới dạng cefazolin sodium)	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	590110413723	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	98/QĐ-TTMS	Lo	16.990	8.000
7	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM MEDIPHARCO	TENT227	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19443-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Lo	11.361	21.000
8	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD	TENT225	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19447-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Lo	19.488	32.000
9	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	CLST217	Clarithromycin Stella 500 mg	Clarithromycin	500mg	viên nén bao phim	Uống	Hộp 8 vi x 7 viên	VD-26559-17	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	3.741	240.000
10	Nhóm 2	Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	HAXT201	Haxium 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol pellets 22,5% (vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Uống	hộp 3 vi x 10 viên	893110269523	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	840	640.000
11	Nhóm 1	Công Ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	ANGT207	Antipec 1g	Hỗn hợp vô khuẩn cefepime dihydrochloride monohydrate và L-arginine (trong đó chứa cefepime 1g (dưới dạng cefepime dihydrochloride monohydrate)) 1915,71mg	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	893710038424	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Lo	39.689	20.000
12	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	OZMT201	Ozanier 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512mg)	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893615262323	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	1.000	240.000
13	Nhóm 1	Liên Danh Thầu Thế Giới Mới Và Hoàng Hà	MERT205	Merovia	Meropenem	1000mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	520110986124	Remedina S.A.	Hy Lạp	98/QĐ-TTMS	Lo	57.750	32.000
14	Nhóm 1	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN VIDL-TIẾN THÀNH	MIMT241	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin Hydrochlorid)	400mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 chai 250ml	520115986724 (VN-21596-18)	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	98/QĐ-TTMS	Chai	147.000	13.200
15	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	OZZT201	Ozzy-40	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	VD-28477-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	466	560.000
16	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ULTT205	ULTRADOL	Paracetamol; Tramadol hydrochloride	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	893111107823	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	896	260.000
17	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	NEUT223	Neuropyl 800	Piracetam	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	893110265123	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	98/QĐ-TTMS	Viên	550	320.000
<b>Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024 - 2026 (Đợt 2: 53/QĐ-TTMS) Mã hiệu: ĐTTT 03.2024.2 (11/02/2025)</b>																
1	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	AMLT227	AMLODAC 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipine besylate)	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-22060-19	Zydus Lifesciences Limited	Ấn Độ	53/QĐ-TTMS	Viên	233	700.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
2	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	AMMT253	Amlodipine 5 mg Cap	Amlodipin (dưới dạng Amlodipine besylate)	5mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35752-22	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	312	1.400.000
3	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	CUMT203	Curam 625mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 25 vi x 4 viên	900110976524	Sandoz GmbH	Áo	53/QĐ-TTMS	Viên	3.948	140.000
4	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	KOAT203	Koact 625	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	500mg; 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 5 viên	890110517024	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	53/QĐ-TTMS	Viên	3.000	315.000
5	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	CEFT297	Cefanew	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat)	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 100 vi x 10 viên	594110403923 (VN-20701-17)	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	53/QĐ-TTMS	Viên	2.960	140.000
6		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	CEPT19	Cephalexin PMP 500	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrate)	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110514924	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	1.350	140.000
7	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD	CEFT293	Ceftriaxone 1000	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon Natri)	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	VD-19010-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	chai/lọ	9.324	21.000
8	Nhóm 1	Công Ty TNHH SK Quốc Tế	MEGT205	Medivernol 1g	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon sodium)	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893710197523	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Lo	9.330	42.000
9	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	CIET201	Ciprofloxacin EG 500 mg	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid)	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-29979-18	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	717	210.000
10	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	TAMT255	Tamisynt 500mg	Ciprofloxacin hydrochloride (trung đương ciprofloxacin 500mg) 583mg	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	893615262423	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	1.945	210.000
11	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	ESST219	Esomeprazole STADA 20 mg	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa 22% esomeprazol (dạng esomeprazol magnesi dihydrat))	20mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	VD-29349-18	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	500	700.000
12	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	IRMT219	Irpresan 150mg	Irbesartan	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-21977-19	BALKANPHARMA - DUPNITSA AD	BULGARIA	53/QĐ-TTMS	Viên	1.328	175.000
13	Nhóm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	IRST207	Irbesartan Stada 150 mg	Irbesartan	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	VD-35369-21	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	720	420.000
14	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thế Giới Mới	LEST207	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat)	500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai 100ml	520115986624 (VN-21230-18)	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	53/QĐ-TTMS	Chai	42.000	17.500
15	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐƯỢC PHẨM VK PHARMA	GOMT209	Goldquino 5 mg/ml Injection	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat)	500mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Túi 100ml, Túi polypropylen; Thùng 20 Túi x 100ml	880115409223	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	53/QĐ-TTMS	Túi	40.000	3.500
16	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	LOTT203	Lostad T50	Losartan kali	50mg	viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110504424	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	1.321	525.000
17	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	NERT207	Nerazzu-50	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi (nhóm-nhóm) x 10 viên, Hộp 10 vi (nhóm-PVC) x 10 viên	VD-19665-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	333	1.544.000
18	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	THET223	Thermodol	Paracetamol	1g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 100ml	890110005200	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	53/QĐ-TTMS	Lo	15.200	35.000
19	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	DAVT209	Davyca	Pregabalin	75mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên; hộp 6 vi x 14 viên	VD-28902-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	638	420.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
20	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	COUT201	Courtois	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-21987-14	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	371	560.000
21	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	STET209	Sterolow 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110071124 (VD-28044-17)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	469	700.000
22	Nhóm 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ZHET203	Zhekof	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21070-14	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	458	1.400.000
23	Nhóm 1	CÔNG TY TNHH Y DƯỢC QUANG MINH	ANMT211	Angioblock 80mg	Valsartan	80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	GC-341-21	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	53/QĐ-TTMS	Viên	1.130	525.000
<b>Gói thầu Generic thuộc KHLCNT cung cấp thuốc MSTT cấp địa phương năm 2025 - 2026 (Đợt 1 - 711/QĐ-BVNDGD 01/4/2025)</b>																
1	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	GIKT219	Gikanin	Acetyl leucin	500mg	Viên nén	Uống	Chai 500 viên	VD-22909-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	309	460.000
2	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TAMT257	Tanganil 500 mg	Acetyl leucin	500mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22534-20	PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION	Pháp	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.612	280.000
3	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm NDH	CLOT253	Clopiaspirin 75/100	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	100mg; 75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-34727-20	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	9.500	160.000
4	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	ACST215	Acyclovir Stella 800mg	Aciclovir	800mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 5 viên	893110059500	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.000	26.800
5	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	SAVT277	SaViAlben 400	Albendazol	400mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	893110295623	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.939	24.000
6	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	ALXT203	Alanboss XL 10	Alfuzosin	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-34894-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	6.489	120.000
7	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	HADT203	Hadugut 300	Allopurinol	300mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110107600	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	509	80.000
8	Nhóm 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Nhất Anh	SADT227	Sadapron 300	Allopurinol	300mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	529110073123	Remedica Ltd	Cyprus	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.500	280.000
9	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	SPAT211	Spas- Agi	Alverin citrat	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110431724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	115	400.000
10	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT385	Vinphacine	Amikacin	500mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	893110307123	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	4.700	10.000
11	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dược Phẩm Việt Nam	AMMT257	Amikacin 250mg/ml	Amikacin	500mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 ống 2ml	380110782924	Sopharma AD	Bulgaria.	711/QĐ-BVNDGD	Ống	22.960	12.000
12	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiệp Thuận Thành	AJAT201	Aju Amikacin Injection 500mg/2mL	Amikacin	Trong mỗi ống 2ml có chứa Amikacin sulfate 500mg (hoạt tính)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	880110007325	Aju Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	711/QĐ-BVNDGD	Ống	20.890	11.200
13	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	AMMT255	Amaloris 5mg/10mg	Amlodipin + atorvastatin	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate 10,85mg) 10mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate 6,94mg) 5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	383110181023	KRKA,D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.000	300.000
14	Nhóm 2	Công ty Cổ phần dược phẩm Nhật Tiến	AMDT237	Amdepin Duo	Amlodipin + atorvastatin	5mg; 10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	890110002724	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.660	1.400.000
15	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần GOLD STAR PHARM	STET211	Stefamlor 5/10	Amlodipin + atorvastatin	5mg; 10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110298824	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.690	400.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
16	Nhóm 4	Liên Doanh Công ty TNHH DP Từ Hưng- Công ty TNHH TM DP Thanh Minh	ZOAT211	Zoamco-A	Amlodipin + atorvastatin	5mg;10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-36187-22	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.199	1.200.000
17	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DU'OC MEDIPHARCO	WAMT205	Wamlox 5mg/80mg	Amlodipin + Valsartan	5mg; 80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	383110181323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.900	290.012
18	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DU'OC MEDIPHARCO	WAMT203	Wamlox 5mg/80mg	Amlodipin + Valsartan	5mg; 80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	383110181323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.900	29.988
19	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Duy Khang	HYPT205	Hyalor plus	Amlodipin + Valsartan	5mg; 80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	6.300	120.000
20	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Đại An Phú	PRMT231	Praverix 500mg	Amoxicilin	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 100 vỉ x 10 viên	594110403723	Antibiotice S.A.	Romania	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.300	400.000
21	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Đại An Phú	BIST227	Biocemet SC 500mg/62,5mg	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg; 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 túi nhôm x 12 gói x 1,5g	VD-33451-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	10.800	180.000
22	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	MIDT215	Midantin 500/62,5	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg; 62,5mg	Bột pha hỗn dịch	Uống	Hộp 12 gói x 3g	893110668824	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	3.423	180.000
23	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	AMGT201	Ampicillin 1g	Ampicilin (muối natri)	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 50 lọ	893110812124	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lo	6.945	4.800
24	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	AGIT335	Aginolol 50	Atenolol	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10, 2 vỉ x 15 viên	893110430024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	97	120.000
25	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần GONSA	ATOT225	Atoronobi 40	Atorvastatin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	890110527824	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Viên	600	600.000
26	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	ATOT229	Atovze 10/10	Atorvastatin + Ezetimibe	10mg + 10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110369923	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.520	240.000
27	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	ZART205	Zaromax 500	Azithromycin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	hộp 3 vỉ x 10 viên	893110271323	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	5.250	160.000
28	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	BIST229	Bisoprolol 2,5mg	Bisoprolol	2,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Chai 1000 viên	893110329400	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	75	160.000
29	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Minh Trí	HEXT201	Hexicof	Bromhexin hydroclorid	8mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	890100432723	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Viên	445	1.400.000
30	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	MAST241	Marcaine Spinal Heavy	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml	Dung dịch tiêm tủy sống	Tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	300114001824	Cenexi	Pháp	711/QĐ-BVNDGD	Ống	41.600	7.200
31	Nhóm 1	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	MILT219	Mildocap	Captopril	25mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-15828-12	S.C. Arena Group S.A	Romania	711/QĐ-BVNDGD	Viên	650	20.000
32	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Thiên Chí	LOMT219	Lomazole	Carbimazol	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110612124	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	525	280.000
33	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Và Dược Phẩm Đông Dương	MFCT201	MFT- Cefaclor 500mg	Cefaclor	500mg	Viên nang	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	594110350224	Arena Group SA	Romania	711/QĐ-BVNDGD	Viên	10.300	196.000
34	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Kim Đô	CEST225	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	893110107224	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	7.900	192.000
35	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	IMET217	Imenin 300	Cefđinir	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-27894-17	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.300	70.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
36	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	IMET223	Imenir 300	Cefdinir	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	893110023900	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.300	210.000
37	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vũ Duy	OSVT211	Osvimec 300	Cefdinir	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	893110818924	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	10.600	40.000
38	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vũ Duy	OSVT215	Osvimec 300	Cefdinir	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	893110818924	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	10.600	120.000
39	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	ANGT209	Antipeç 2g	Cefepim	Hỗn hợp bột vô khuẩn cefepime dihydrochloride monohydrate và L-arginine (trong đó chứa cefepim 2g (dưới dạng cefepime dihydrochloride monohydrate)) 3831,42mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	893710038524	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	72.000	16.000
40	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA	CEFT301	Cefimvid 200	Cefixim	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 2 vi x 7 viên	893110824524	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.113	400.000
41	Nhóm 1	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	IMET219	IMERIXX 200	Cefixim	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	VD-35939-22	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	15.350	320.000
42	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ORET215	Orenko	Cefixim	200mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	893110072824	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.245	480.000
43	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	CEFT303	Cefoxitin 1000	Cefoxitin	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ bột	893110278524	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	105.000	20.000
44	Nhóm 2	Công ty TNHH SK Quốc Tế	FOGT213	Foxtimed 1g	Cefoxitin	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893110162500	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	54.900	21.200
45	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	CEFT299	Cefcenat 500	Cefuroxim	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-32889-19	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.020	240.000
46	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm MKT	CILT211	Cilnidipine 10	Cilnidipin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	893110240124	Công ty TNHH Sinh Dược Phẩm Hera	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	6.200	640.000
47	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thế Giới Mới	NAST233	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin lactate 254,38 mg (tương đương với ciprofloxacin 200mg)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Chai 100ml	VN-20713-17	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	711/QĐ-BVNDGD	Chai	31.500	20.000
48	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	CIPT263	Ciprofloxacin Polpharma[200ml]	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 túi PE 200ml	590115079823	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	711/QĐ-BVNDGD	Túi	36.800	23.200
49	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	NAET201	Nafloxin Eye Drops Solution 0.3% w/v	Ciprofloxacin	0,3% x 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	520115428223	Cooper S.A.Pharmaceuticals	Greece	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	64.848	2.600
50	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	SAVT281	Savxiga 10	Dapagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110278124	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.720	24.000
51	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	DATT213	Datpagi 10	Dapagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 06 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, Hộp 02 vi x 07 viên, Hộp 04 vi x 07 viên, Hộp 06 vi x 07 viên, Hộp 08 vi x 07 viên, Hộp 10 vi x 07 viên	893110342800	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.365	20.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
52	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	DIAT221	Dialamic	Diacerein	50mg	Viên nang cứng	Uống	hộp 3 vi x 10 viên	VD-29521-18	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.170	389.990
53	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	DIAT219	Dialamic	Diacerein	50mg	Viên nang cứng	Uống	hộp 3 vi x 10 viên	VD-29521-18	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.170	50.010
54	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	PLET201	Pleminos	Diosmin	600mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 02 vi x 15 viên, Hộp 04 vi x 15 viên, Hộp 10 vi x 15 viên, Hộp 20 vi x 15 viên, Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 06 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, Hộp 1 chai x 30 viên, Hộp 1 chai x 60 viên, Hộp 1 chai x 100 viên	893110730524	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.050	500.000
55	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần TRAPHACO	TRAT255	Trafalon - 500	Diosmin + hesperidin	450mg; 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 12 viên	893100112200	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	660	280.000
56	Nhóm 2	Công ty TNHH DANHSON TRADING Việt Nam	DACT223	Dacolfort	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893100263823	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.100	400.000
57	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần GONSA	DOBT213	Dobucin	Dobutamin	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp chứa 5 hộp nhỏ x 1 ống chứa 5ml	890110022824	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Ống	30.500	1.160
58	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần GONSA	DOBT215	Dobucin	Dobutamin	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp chứa 5 hộp nhỏ x 1 ống chứa 5ml	890110022824	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Ống	30.500	280
59	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	BAMT239	Basicillin 100mg	Doxycyclin	100mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893610332524	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.490	160.000
60	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DRYT203	Dryches	Dutasterid	0,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110703324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	7.990	25.260
61	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DRYT201	Dryches	Dutasterid	0,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110703324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	7.990	134.740
62	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	HAMT211	Hadunalin 1 mg/ml	Epinephrin (adrenalin)	1mg/ml x 1ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml; Hộp 20 ống x 1ml; Hộp 50 ống x 1ml	893110151100	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	1.100	36.000
63	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	FAMT213	Famogast	Famotidin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	VN-20054-16	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.960	400.000
64	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	FENT225	Fenostad 160	Fenofibrat	160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	893110107123	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.344	80.000
65	Nhóm 4	Công ty Cổ phần dược phẩm Nhật Tiến	FATT209	Fatfe	Fenofibrat	145mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	VD-36043-22	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.670	21.600
66	Nhóm 4	Công ty Cổ phần dược phẩm Nhật Tiến	FATT211	Fatfe	Fenofibrat	145mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-36043-22	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.670	211.568
67	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	FELT215	Fenosup Lidose	Fenofibrat	160mg	Viên nang cứng dạng Lidose	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	540110076523	SMB TECHNOLOGY S.A	Bỉ	711/QĐ-BVNDGD	Viên	5.800	120.000
68	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	FEMT211	Fenbrat 200M	Fenofibrat	200mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110398724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.780	120.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
69	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ZOLT229	Zolmed 150	Fluconazol	150mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	VD-20723-14	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.600	12.000
70	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	AGIT333	Agifuros	Furosemid	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 25 viên	893110255223	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	84	960.000
71	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	ULOT203	Uloviz	Furosemid	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	VN-22344-19	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.800	128.000
72	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	TAKT201	Takizid	Furosemid	20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	VD-34815-20	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	589	40.000
73	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	SUIT205	Suopinchon Injection	Furosemid	20mg	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	VN-13873-11	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd	Đài Loan	711/QĐ-BVNDGD	Ống	4.200	20.000
74	Nhóm 2	Công ty TNHH DANHSON TRADING Việt Nam	NEUT225	Neupencap	Gabapentin	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-23441-15	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	669	440.000
75	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	GEMT229	Gentamicin 80mg	Gentamicin	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 2ml	893110175124	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	1.010	20.000
76	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	GLMT263	Gliclada 30mg	Gliclazid	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 8 vi x 15 viên	383110402323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.499	4.000.000
77	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	GLMT265	Gliclada 60mg modified - release tablets	Gliclazid	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên, Hộp 4 vi x 15 viên, Hộp 8 vi x 15 viên	383110130824	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.830	300.000
78	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	LAMT211	Lazibet MR 60	Gliclazid	60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	VD-30652-18	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	525	320.000
79	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO	PYDT211	Pyme Diapro MR	Gliclazid	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vi x 20 viên	893110379023	Công ty cổ phần Pymeparco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	265	1.200.000
80	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	MELT231	Melanov-M	Gliclazid + Metformin	500mg + 80mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-20575-17	Micro Labs Limited	India	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.800	320.000
81	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	HEST205	HEPARINE SODIQUE PANPHARMA 5 000 U.L/ml	Heparin (natri)	25.000IU	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	VN-15617-12	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	199.500	1.600
82	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Anh	HEPT231	Heparin-Belmed	Heparin (natri)	25.000UI /5ml	Dung dịch tiêm. Truyền tĩnh mạch, Tiêm dưới da.	Tiêm	Hộp 5 lọ 5ml	VN-18524-14	Belmedpreparaty RUE	Belarus	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	147.000	13.000
83	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT383	Vincopane	Hyoscin butylbromid	20mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 1ml	893110448124	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	2.640	20.000
84	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	BUIT201	Buston Injection	Hyoscin butylbromid	20mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống 1ml	VN-22791-21	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd	Đài Loan	711/QĐ-BVNDGD	Ống	6.200	20.000
85	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	IBMT223	Ibuprofen 400mg	Ibuprofen	400 mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-21202-14	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	310	200.000
86	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	IDMT207	Idatril 5mg	Imidapril	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-18550-13	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.500	400.000
87	Nhóm 1	Công Ty TNHH Dược Và Vật Tư Y Tế Kiên Đan	RYCT201	Rycardon	Irbesartan	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-22391-19	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Síp	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.494	160.000
88	Nhóm 4	Công Ty TNHH Dược Phẩm Đức Việt	IMMT221	Imidu 60 MG	Isosorbid (dinitrat hoặcmononitrat)	60mg	Viên nén tác dụng kéo dài	Uống	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	893110617324	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.953	120.000
89	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	BIMT219	Bixebra 5 mg	Ivabradin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 14 viên	VN-22877-21	KRKA,D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.850	200.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
90	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	LAST231	Lansoprazole STELLA 30mg	Lansoprazol	30mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	893110060000	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.395	380.000
91	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	LIHT205	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 100 ống x 2ml	VD-23764-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	480	80.000
92	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	TRIT257	Tridjantab	Linagliptin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-34107-20	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	860	120.000
93	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	TRIT265	Tridjantab	Linagliptin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110131325	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	860	52.020
94	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SAVIPHARM)	SAVT279	Savjenta 5	Linagliptin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110650224	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.438	80.000
95	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Hóa Dược Phẩm MEKOPHAR	MEMT301	Mebendazole 500mg	Mebendazol	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 1 viên	893100607524	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.400	13.600
96	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	GLUT361	Glumeform 850	Metformin	850mg	Viên nén bao phim	Uống	hộp 10 vi x 5 viên	893110309424	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	426	620.000
97	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	GLUT341	Glumeform 850	Metformin	850mg	Viên nén bao phim	Uống	hộp 10 vi x 5 viên	VD-27564-17	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	426	20.000
98	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	MEMT303	Metformin 500mg[N3]	Metformin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 20 vi x 10 viên	893110230800	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	152	800.000
99	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	MEMT305	Metformin 500mg[N4]	Metformin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 20 vi x 10 viên	893110230800	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	152	960.000
100	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	MEMT307	Metformin 850mg	Metformin	850mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 20 vi x 10 viên	893110230900	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	182	800.000
101	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	METT269	Metformin[N3]	Metformin	1000mg	Viên bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110443424	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	472	1.000.000
102	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	METT271	Metformin[N4]	Metformin	1000mg	Viên bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110443424	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	472	1.200.000
103	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	ERGT203	Ergome-BFS	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	893110451623	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	11.550	4.000
104	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	TIMT245	Tiphapred M 4	Methyl prednisolon	4mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 chai x 500 viên	VD-27069-17	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	161	40.000
105	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	TIMT251	Tiphapred M 4	Methyl prednisolon	4mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 chai x 500 viên	893110893724	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	161	440.000
106	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT381	Vinsolon	Methyl prednisolon	40mg	Thuốc tiêm đóng khô	Tiêm	Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi pha tiêm	893110219923	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lo	6.800	11.400
107	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	METT273	Metilone	Methyl prednisolon	16mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên; hộp 10 vi x 10 viên	VD-28919-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.240	72.000
108	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	MENT211	Methylprednisolone Normon 40 mg Powder for injectable solution	Methyl prednisolon	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	840110444723	Laboratorios Normon, S.A.	Tây Ban Nha	711/QĐ-BVNDGD	Lo	33.688	5.000
109	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	AGIT331	Agidopa	Methyl dopa	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110876924	Chi nhánh Công ty CPDP Agimexpharm- Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	500	120.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
110	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	METT289	Metronidazol 250	Metronidazol	250mg	viên nén	Uống	hộp 10 vỉ x 10 viên	893115309724	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	252	600.000
111	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	METT275	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Viên nén	Uống	Chai 1000 viên	893115886624	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	113	240.000
112	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	METT267	Metronidazole/Vioser	Metronidazol	5mg/ml	Dung dịch truyền	Tiêm truyền	Chai 100ml	VN-22749-21	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Greece	711/QĐ-BVNDGD	Chai	15.650	16.000
113	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	METT279	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 40 túi 100ml	VD-34057-20	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Túi	5.700	28.000
114	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược NewSun	MIMT247	Mifetone 200mcg	Misoprostol	200mcg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	VD-33218-19	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.550	20.000
115	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	DABT201	Dabilet	Nebivolol	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110448323	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	590	140.000
116	Nhóm 3	Công Ty TNHH Dược Phẩm Đức Việt	MIPT211	Mibelet	Nebivolol	5mg	viên nén	Uống	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 14 viên	893110461124	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH HASAN-DERMAPHARM	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.360	140.000
117	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Thành Long	NEMT271	Nebicor 5mg Tablets	Nebivolol	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	380110206323	Adipharm EAD	BULGARIA	711/QĐ-BVNDGD	Viên	6.800	480.000
118	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm Tường Thành	PECT205	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	893110436924	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.575	20.000
119	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	CORT223	Cordaflex	Nifedipin	20mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-23124-22	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.260	400.000
120	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	NIHT203	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	893110458024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	504	400.000
121	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	NUCT267	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	10ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	893110151624	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	680	450.400
122	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Thương Mại FAMED	OFMT215	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	3mg/ml x 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp gồm 1 lọ chứa 5ml	400115010324	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Đức	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	52.900	2.240
123	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT387	Vinphatoxin	Oxytocin	5IU/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 1ml	893114305223	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	2.800	20.000
124	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	PAMT225	Paracetamol 500mg	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 Lọ x 150 viên	893100357823	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	180	249.900
125	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	PAMT231	Paracetamol 500mg	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893100357823	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	180	2.750.100
126	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	HAPT257	Hapacol 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Thuốc bột sủi bọt	Uống	Hộp 24 gói x 0,9g	893100040923	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	668	236.544
127	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	HAPT253	Hapacol 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Thuốc bột sủi bọt	Uống	hộp 24 gói x 1,5g	893100040923	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	668	3.456
128	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	HAPT255	Hapacol 250	Paracetamol (acetaminophen)	250mg	Thuốc bột sủi bọt	Uống	Hộp 24 gói x 1g	893100041023	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	1.575	268.000
129	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần SANTAV	PATT237	Partamol Tab.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893100156725	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	480	1.051.800

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
130	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần SANTAV	PATT235	Partamol Tab.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	480	388.200
131	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm MKT	PHAT221	Pharbacol	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 5 viên	893100076524	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.000	1.200.000
132	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	KEMT207	Kernadol 650mg Tablets	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 10 viên	VN-22886-21	Kern Pharma S.L.	Spain	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.000	600.000
133	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	PERT233	PeriSaVi 5	Perindopril	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110542124	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.250	440.000
134	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Đô Thành	SOLT237	Solpedia	Perindopril	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110243900	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	650	400.000
135	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PITT201	Piperacilin/Tazobactam Kabi 4g/0,5g	Piperacilin + tazobactam*	4g; 0,5g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ	VN-13544-11	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Bồ Đào Nha	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	77.000	40.000
136	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	PIPT243	Pipebamid 4,0g/0,5g	Piperacilin + tazobactam*	4g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	893110740724	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	56.690	1.000
137	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	PIPT235	Pipebamid 4,0g/0,5g	Piperacilin + tazobactam*	4g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 01 lọ	893110740724	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	56.690	3.000
138	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	POVT263	Povidone[125ml]	Povidon iodin	10%	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai nhựa chứa 125ml	893100041923	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Chai	11.350	22.400
139	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	HYDT219	Hydrocolacyl	Prednisolon acetat (natri phosphate)	5mg	Viên nén dài	Uống	Chai 1000 viên	893110885924	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	72	230.000
140	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	HYDT217	Hydrocolacyl	Prednisolon acetat (natri phosphate)	5mg	Viên nén dài	Uống	Chai 1000 viên	893110885924	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	72	2.970.000
141	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm Tường Thành	PRDT201	Propylthiouracil DWP 50mg	Propylthiouracil (PTU)	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	893110286624	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	294	12.800
142	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Và Dược Phẩm Đông Dược	NAMT221	Nalordia 200mg	Quetiapin	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	640110349424	Orion Corporation	Phần lan	711/QĐ-BVNDGD	Viên	17.850	24.000
143	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	DAQT201	Daquetin 100	Quetiapin	100 mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-26066-17	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	5.500	40.000
144	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm & Thiết Bị Y Tế Phúc Lộc	REMT231	Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar	Rebamipid	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-36246-22	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.300	320.000
145	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	ZENT275	Zencombi	Salbutamol + ipratropium	(2,5mg + 0,5mg)/ 2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	893115592124	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	12.600	24.000
146	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	BEIT201	Besmate Inhalation Solution[2,5ml]	Salbutamol + ipratropium	0,2mg/ml; 1mg/ml	Dung dịch khí dung	Khí dung	Hộp 10 gói x 10 lọ, mỗi lọ 2,5ml	471115348724	Taiwan Biotech Co., Ltd	Đài Loan	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	15.000	60.000
147	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần 5A FARMA	SIAT203	Sitagliptin - 5A Farma 50mg	Sitagliptin	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110009400	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	505	200.000
148	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	SIMT213	Sitagliptin 50 mg	Sitagliptin	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	893110733224	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.049	69.972
149	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	SITT227	SITOVIA 50	Sitagliptin	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	893110733224	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.049	110.028

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
150	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	MEBT229	Mebisita 100	Sitagliptin	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	VD-35052-21	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	9.380	120.000
151	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	MEBT231	Mebisita 50	Sitagliptin	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35053-21	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	5.280	240.000
152	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tây Ninh	SITT223	Sitomet 50/1000[N3]	Sitagliptin + metformin	1000mg; 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110213323	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.900	360.000
153	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tây Ninh	SITT225	Sitomet 50/1000[N4]	Sitagliptin + metformin	1000mg; 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110213323	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.900	320.000
154	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	ENTT241	Entacron 25	Spironolacton	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110541824	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.575	560.000
155	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm ATIPHARM	A.ST209	A.T Sucralfate	Sucralfat	1000mg/5g	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 5 g	893100148024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Gói	1.155	240.000
156	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo	BEMT237	Betamaks 50mg tablets	Sulpirid	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	475110353324	Joint Stock Company "Grindeks"	Latvia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	1.728	200.000
157	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	TOMT237	Tolucombi 40mg/12.5mg Tablets	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg; 12,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 7 viên	VN-21113-18	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.694	296.000
158	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	MIHT207	Mibetel HCT	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg; 12,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên	893110409524	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH HASAN-DERMAPHARM	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.780	240.000
159	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	PMST213	Pms-tenofovir	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Chai 30 viên	754110191523	Pharmascience Inc.	Canada	711/QĐ-BVNDGD	Viên	28.000	80.000
160	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO	TENT231	Tenfovir	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi, vi 10 viên	893110116024	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.100	19.980
161	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO	TENT233	Tenfovir	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi, vi 10 viên	893110116024	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	2.100	280.020
162	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vinh Phúc	CAMT267	Cammic	Tranexamic acid	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	VD-23729-15	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Ống	3.000	26.400
163	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm HQ	SAVT275	SaVi Valsartan 160	Valsartan	160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Alu PVDC	893110165124	Công ty CP Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	4.286	600.000
164	Nhóm 1	Công ty TNHH SK Quốc Tế	ANMT213	Angioblock 160mg	Valsartan	160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	GC-340-21	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	711/QĐ-BVNDGD	Viên	5.838	240.000
165	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Hòa	VAPT209	Valsarfast Plus 80 mg/12.5 mg film-coated tablets	Valsartan + hydrochlorothiazid	80mg; 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	383110120424	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	711/QĐ-BVNDGD	Viên	8.900	320.000
166	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Quốc Tế Thành An	VOXT227	Voxin	Vancomycin	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	520115009624	Vianex S.A - Nhà máy C	Hy Lạp	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	64.974	20.000
167	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	VAVT201	Vanconex (Vancomycin Hydrochloride for Injection USP 500mg/Vial)	Vancomycin	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	890115188723	Aspiro Pharma Limited	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Lọ	29.780	12.000
168	Nhóm 2	Liên Doanh Công ty TNHH UNITED PHARMA Và Vật Tư Y Tế Thiên Tâm	VILT201	Vilason-50	Vildagliptin	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	890110002725	Unison Pharmaceutical Pvt. Ltd.	Ấn Độ	711/QĐ-BVNDGD	Viên	3.900	240.000
<b>Gói thầu thuốc Biệt Dược Gốc mua sắm thuốc (lần 2) năm 2024-2025 (KQ2500095733_2505230934)</b>																

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
1	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	XAXT233	Xatral XL 10mg	Alfuzosin	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VN-22467-19	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	15.291	4.980
2	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	XAXT235	Xatral XL 10mg	Alfuzosin	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 vỉ x 30 viên	300110002100	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	15.291	350.220
3	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	ACTT229	Actilyse	Alteplase	50mg	Bột đông khô và dung môi để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp gồm 1 lọ bột đông khô + 1 lọ nước cất pha tiêm	QLSP-948-16	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Lo	10.830.000	220
4	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	COMT427	Cordarone 150mg/3ml	Amiodaron (hydroclorid)	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 6 ống x 3ml	VN-20734-17	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Ống	30.048	270
5	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	EXFT223	Exforge	Amlodipin + Valsartan	5mg + 80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16344-13	Siegfried Barbera, S.L.	Spain	KQ2500095733_25 05230934	Viên	9.987	60.000
6	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	EXFT225	Exforge	Amlodipin + Valsartan	10mg + 160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16342-13	Siegfried Barbera, S.L.	Spain	KQ2500095733_25 05230934	Viên	18.107	20.000
7	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	EXHT209	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	10mg + 160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	840110032023	Siegfried Barbera, S.L.	Spain	KQ2500095733_25 05230934	Viên	18.107	10.000
8	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	EXHT213	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	5mg + 160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	840110079223	Siegfried Barbera, S.L.	Spain	KQ2500095733_25 05230934	Viên	18.107	10.000
9	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	BEMT241	Betaseric 24mg	Betahistin	24mg	Viên nén	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	300110779724	Mylan Laboratories S.A.S.	France	KQ2500095733_25 05230934	Viên	6.516	30.000
10	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COMT425	Concor 5mg	Bisoprolol	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-17521-13	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG; P&G Health Austria GmbH & Co. OG	Germany	KQ2500095733_25 05230934	Viên	4.290	50.000
11	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COCT223	Concor Cor	Bisoprolol	2,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18023-14	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG; P&G Health Austria GmbH & Co. OG	Germany	KQ2500095733_25 05230934	Viên	3.147	40.000
12	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PURT217	Pulmicort Respules	Budesonid	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Đường hô hấp	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	VN-22715-21	Astrazeneca Pty., Ltd	Australia	KQ2500095733_25 05230934	Ống	13.834	8.000
13	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SYRT203	Symbicort Rapihaler	Budesonid + formoterol	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg + Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg (120 liều)	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Dạng hít	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	300110006424	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bình	434.000	2.000
14	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SYTT223	Symbicort Turbuhaler	Budesonid + formoterol	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg + Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg (60 liều)	Thuốc bột để hít	Dạng hít	Hộp 1 ống hít 60 liều	VN-20379-17	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	KQ2500095733_25 05230934	Ống	219.000	6.000
15	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CANT227	Cancidas	Casopfungin*	50mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	VN-20811-17	Fareva Mirabel	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Lo	6.531.000	100

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
16	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CANT229	Cancidas	Caspofungin*	70mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	VN-20568-17	Fareva Mirabel	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	8.288.700	20
17	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ROGT217	Rocephin 1g LV	Ceftriaxon	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống 10ml dung môi pha tiêm	VN-17036-13	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	140.416	8.000
18	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CIPT269	Ciprobay 200	Ciprofloxacin	200mg/100ml (100ml)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	800115179623	CSSX bán thành phẩm, đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Fresenius Kabi Italia S.R.L; Cơ sở xuất xưởng: Bayer AG	Ý	KQ2500095733_25 05230934	Chai	194.176	6.000
19	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CIMT225	Ciprobay 400mg	Ciprofloxacin	400mg/200ml (200ml)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 200ml	800115179723	CSSX bán thành phẩm, đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Fresenius Kabi Italia S.R.L; Cơ sở xuất xưởng: Bayer AG	Ý	KQ2500095733_25 05230934	Chai	254.838	6.000
20	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CIPT271	Ciprobay 500	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	800115179523	Bayer HealthCare Manufacturing S.r.l.	Ý	KQ2500095733_25 05230934	Viên	13.224	5.000
21	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	PLAT233	Plavix	Clopidogrel	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18879-15	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	54.746	500
22	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	PLMT227	Plavix 75mg	Clopidogrel	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16229-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	16.819	50.000
23	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	FORT257	Forxiga	Dapagliflozin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN3-38-18	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSDG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	KQ2500095733_25 05230934	Viên	19.000	10.000
24	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	FORT259	Forxiga	Dapagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN3-37-18	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSDG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	KQ2500095733_25 05230934	Viên	19.000	70.000
25	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DUPT261	Duphaston	Dydrogesteron	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 20 viên	870110067423	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	KQ2500095733_25 05230934	Viên	8.888	10.000
26	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	JART227	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-605-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	23.072	25.000
27	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	JART229	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-606-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	26.533	20.000
28	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	JART231	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-605-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	23.072	7.500
29	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	JART233	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-606-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	26.533	6.000
30	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	LOVT255	Lovenox	Enoxaparin (natri)	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	300410038223	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bơm tiêm	85.381	7.000
31	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	LOVT257	Lovenox	Enoxaparin (natri)	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	300410038323	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bơm tiêm	113.163	5.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
32	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	NEXT231	Nexium	Esomeprazol	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ bột pha tiêm 5ml	VN-15719-12	ASTRAZENECA AB	Sweden	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	153.560	2.000
33	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	NEMT279	Nexium Mups	Esomeprazol	40mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Uống	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-19782-16	ASTRAZENECA AB	Sweden	KQ2500095733_25 05230934	Viên	22.456	28.000
34	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LIMT251	Lipanthyl 200M	Fenofibrat	200mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-17205-13	Astrea Fontaine	France	KQ2500095733_25 05230934	Viên	7.053	40.000
35	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LINT255	Lipanthyl NT 145mg	Fenofibrat	145mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-21162-18	Fournier Laboratories Ireland Limited	Ireland	KQ2500095733_25 05230934	Viên	10.561	12.000
36	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LIST255	Lipanthyl Supra 160mg	Fenofibrat	160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-15514-12	Astrea Fontaine	France	KQ2500095733_25 05230934	Viên	10.058	30.000
37	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	BERT231	Berodual	Fenoterol + ipratropium	0,05mg/nhát xịt + 0,02mg/nhát xịt	Dung dịch khí dung	Xịt họng	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Bình	132.323	1.500
38	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	FLET213	Flixotide Evohaler	Fluticason propionat	125mcg/ liều xịt	Thuốc xịt dạng phun mù định liều (dùng để hít qua đường miệng)	Xịt họng	Hộp 1 bình xịt 120 liều	VN-16267-13	Glaxo Wellcome S.A	Spain	KQ2500095733_25 05230934	Bình Xịt	106.462	500
39	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DIMT357	Diamicon MR	Gliclazid	30mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Uống	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VN-20549-17	Les Laboratoires Servier Industrie	France	KQ2500095733_25 05230934	Viên	2.682	250.000
40	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DIMT359	Diamicon MR 60mg	Gliclazid	60mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-20796-17	Les Laboratoires Servier Industrie	France	KQ2500095733_25 05230934	Viên	5.126	100.000
41	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	BUST243	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Viên nén bao đường	Uống	Hộp 5 vỉ x 20 viên; 1 vỉ x 10 viên; 2 vỉ x 10 viên; 5 vỉ x 10 viên; 10 vỉ x 10 viên	300100131824	DELPHARM REIMS	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	1.120	100.000
42	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	LAST235	Lantus solostar	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	100 đơn vị/ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Tiêm	Hộp 05 bút tiêm x 3ml	QLSP-857-15	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	257.145	10.000
43	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	HUMT219	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm bom sẵn thuốc x 3ml	300410177600	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France; Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen: Eli Lilly and Company	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	178.080	5.000
44	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	HUMT217	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm bom sẵn thuốc x 3ml	QLSP-1088-18	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France; Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen: Eli Lilly and Company	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	178.080	8.000
45	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	NOFT235	Novorapid FlexPen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	300410198625	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	225.000	110
46	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	NOFT233	Novorapid FlexPen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	QLSP-963-16	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	225.000	20

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
47	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	HUMT223	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm bom sẵn thuốc x 3ml	300410177600	Cơ sở sản xuất ổng thuốc: Lilly France; Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen: Eli Lilly and Company	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	178.080	1.500
48	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	HUMT221	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm bom sẵn thuốc x 3ml	QLSP-1088-18	Cơ sở sản xuất ổng thuốc: Lilly France; Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen: Eli Lilly and Company	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Bút tiêm	178.080	2.400
49	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	XENT223	Xenetix 300	Iobitridol	Iodine 30g/100ml (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml) (100ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ 100ml	VN-16787-13	Guerbet	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Lo	494.000	2.000
50	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	OMNT233	Omnipaque	Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml (50ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 chai 50ml	539110067223	GE Healthcare Ireland Limited	Ireland	KQ2500095733_25 05230934	Chai	240.776	5.000
51	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	APRT245	Aprovel	Irbesartan	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16719-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	9.561	40.000
52	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	COAT247	Coaprovel	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16721-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	9.561	30.000
53	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	TAVT227	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 5 viên nén bao phim	VN-19455-15	Opella Healthcare International SAS	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	36.550	3.000
54	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	CRAT213	Cravit	Levofloxacin	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-19340-15	Santen Pharmaceutical Co. Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	KQ2500095733_25 05230934	Lo	88.515	1.000
55	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	MERT211	Meronem	Meropenem*	1000mg (30ml)	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 10 lọ 30ml	VN-17831-14	ACS Dobfar S.P.A.; Đóng gói và xuất xưởng bởi :Zambon Switzerland Ltd.	CSSX: Ý; CSDG: Thụy Sĩ	KQ2500095733_25 05230934	Lo	549.947	18.000
56	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	MERT213	Meronem	Meropenem*	500mg (20ml)	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 10 lọ 20ml	VN-17832-14	ACS Dobfar S.P.A.; Đóng gói và xuất xưởng bởi :Zambon Switzerland Ltd.	CSSX: Ý; CSDG: Thụy Sĩ	KQ2500095733_25 05230934	Lo	317.747	2.000
57	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GLXT217	Glucophage XR 1000mg	Metformin	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	300110016324	Merck Sante s.a.s	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	4.843	100.000
58	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GLXT219	Glucophage XR 750mg	Metformin	750mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	300110016424	Merck Sante s.a.s	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	3.677	200.000
59	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	BEZT265	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol	23,75mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-17243-13	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	KQ2500095733_25 05230934	Viên	4.389	50.000
60	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	BEZT267	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol	47,5mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	730110022123	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	KQ2500095733_25 05230934	Viên	5.490	28.000
61	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	AVET237	Avelox	Moxifloxacin	400mg/250ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 250ml	VN-18602-15	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Chai	367.500	1.000
62	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	VIGT257	Vigamox	Moxifloxacin	5mg/1ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-22182-19	Alcon Research, LLC	Mỹ	KQ2500095733_25 05230934	Lo	89.999	2.000
63	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội	HYAT205	Hyalgan	Natri hyaluronat	20mg/2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	Tiêm	Hộp 1 bom tiêm, bom đẩy sẵn 2ml	VN-11857-11	FIDIA FARMACEUTICI S.p.A	Italy	KQ2500095733_25 05230934	Bom tiêm	1.045.000	220

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
64	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	NECT221	Nebilet (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG, đ/c: Glienicke Weg 125, 12489 Berlin, Germ	Nebivolol	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-19377-15	Berlin Chemie AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	7.600	80.000
65	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ADLT233	Adalat LA 30mg	Nifedipin	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	400110400623	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	9.454	80.000
66	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PAIT239	Pantoloc i.v	Pantoprazol	40mg	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 lọ	VN-18467-14	Takeda GmbH	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	146.000	3.000
67	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COMT429	Coversyl 10mg	Perindopril	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp, 1 lọ 30 viên nén bao phim	VN-17086-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	7.084	20.000
68	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COMT431	Coversyl 5mg	Perindopril	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp, 1 lọ 30 viên nén bao phim	VN-17087-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Viên	5.028	60.000
69	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VIMT243	Viacoram 7mg/5mg	Perindopril + amlodipin	4,756mg + 5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-47-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	KQ2500095733_25 05230934	Viên	6.589	30.000
70	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	TAZT217	Tazocin	Piperacilin + tazobactam*	4g + 0,5g	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	800110074023	Wyeth Lederle S.R.L	Ý	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	223.700	8.000
71	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	XART221	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	400110400923	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	58.000	3.000
72	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	XART223	Xarelto	Rivaroxaban	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-19014-15	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	58.000	7.000
73	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	XART225	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	400110400923	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	58.000	900
74	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	XART227	Xarelto	Rivaroxaban	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-19014-15	Bayer AG	Đức	KQ2500095733_25 05230934	Viên	58.000	2.100
75	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CRMT213	Crestor 10mg	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18150-14	CSSX: IPR Pharmaceuticals INC; CSDG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	KQ2500095733_25 05230934	Viên	9.896	60.000
76	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	CRMT215	Crestor 20mg	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18151-14	CSSX: IPR Pharmaceuticals INC; CSDG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	KQ2500095733_25 05230934	Viên	14.903	30.000
77	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VEIT223	Ventolin Inhaler	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Đường hô hấp	Hộp 1 bình xịt 200 liều	VN-18791-15	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	KQ2500095733_25 05230934	Bình Xịt	76.379	2.500
78	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	COMT423	Combivent	Salbutamol + ipratropium	2,5mg + 0,5mg	Dung dịch khí dung	Khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	VN-19797-16	Laboratoire Unither	Pháp	KQ2500095733_25 05230934	Lọ	16.074	16.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
79	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SEET271	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Salmeterol+ fluticason propionat	25mcg + 125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Dạng hít	Hộp 1 bình 120 liều xịt	VN-21286-18	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	KQ2500095733_2505230934	Bình Xịt	210.176	3.000
80	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SEET273	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Salmeterol+ fluticason propionat	25mcg + 250mcg	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Dạng hít	Hộp 1 bình 120 liều xịt	VN-22403-19	Glaxo Wellcome SA	Tây Ban Nha	KQ2500095733_2505230934	Bình Xịt	278.090	4.000
81	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SEVT239	Sevorane	Sevofluran	Mỗi chai 250ml chứa: Sevofluran 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Đường hô hấp	Hộp 1 chai 250ml	800114034723	Abbvie S.r.l	Ý	KQ2500095733_2505230934	Chai	3.578.500	70
82	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	CURT205	Curosurf	Surfactant (Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn)	120mg/1,5ml	Hỗn dịch bơm ống nội khí quản	Đường nội khí quản	Hộp 1 lọ 1,5ml	800410111224	Chiesi Farmaceutici S.p.A	Ý	KQ2500095733_2505230934	Lo	13.990.000	10
83	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	MICT277	Micardis	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22995-22	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	KQ2500095733_2505230934	Viên	9.832	38.000
84	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	MICT279	Micardis	Telmisartan	80mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22996-22	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	KQ2500095733_2505230934	Viên	14.848	5.000
85	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	SPRT211	Spiriva Respimat	Tiotropium	0,0025mg/nhát xịt	Dung dịch để hít	Dạng hít	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	VN-16963-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	KQ2500095733_2505230934	Hộp	800.100	30
86	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TOBT255	Tobrex	Tobramycin	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	VN-19385-15	Novartis Manufacturing NV	Bỉ	KQ2500095733_2505230934(HSX)	Lo	39.999	1.300
87	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TOBT259	Tobradex	Tobramycin + dexamethason	(3mg + 1mg)/1ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20587-17	Novartis Manufacturing NV	Bỉ	KQ2500095733_2505230934	Lo	47.300	480
88	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TOBT253	Tobradex	Tobramycin + dexamethason	(3mg + 1mg)/1ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20587-17	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	KQ2500095733_2505230934	Lo	47.300	100
89	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VAOT203	Vastarel OD 80mg	Trimetazidin	80mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN3-389-22	Egis Pharmaceuticals Plc.	Hungary	KQ2500095733_2505230934	Viên	5.410	30.000
90	Biệt dược gốc	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DECT253	Depakine Chrono	Valproat natri + valproic acid	333mg + 145mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-16477-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	KQ2500095733_2505230934	Viên	6.972	120.000
91	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GALT231	Galvus	Vildagliptin	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	840110412723	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	KQ2500095733_2505230934	Viên	8.225	60.000
92	Biệt dược gốc	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ACLT205	Aclasta	Zoledronic acid	5mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Hộp 1 chai 100ml	900110171700	CSSX và đóng gói sơ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH; CSXX và đóng gói thứ cấp: Lek Pharmaceuticals d.d.	Áo	KQ2500095733_2505230934	Chai	6.761.489	40
<b>Gói thầu mua sắm thuốc Generic năm 2024-2025 (Lần 3) (977/QĐ-BVKV_09/07/2025)</b>																
1	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyên Anh Khoa	SAAT217	SaVi Acarbose 100	Acarbose	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110164524	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.885	80.000
2	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm A.C.T	AFMT201	Afenacol 100mg	Aceclofenac	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 4 vỉ x 10 viên	840110970724	Laboratorios Cinfa, S.A.	Spain	977/QĐ-BVKV	Viên	5.900	160.000
3	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	AZET229	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110257623	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	150	150.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
4	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	AZET227	Azenmarol 4	Acenocoumarol	4mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110257723	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	320	8.000
5	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TAMT259	Tanganil 500mg/5ml	Acetyl leucin	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	300110436523	Haupt Pharma	Pháp	977/QĐ-BVKV	Ống	15.600	5.000
6	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TAMT261	Tanganil 500mg/5ml	Acetyl leucin	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	300110436523	Haupt Pharma	Pháp	977/QĐ-BVKV	Ống	15.600	1.500
7	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	MUCT203	Mucomucil	Acetylcystein	300mg/3ml	Dung dịch dùng để tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 3ml	VN-21776-19	Esseti Farmaceutici S.r.l	Italia	977/QĐ-BVKV	Ống	42.000	2.000
8	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	ASPT261	Aspirin 81	Acetylsalicylic acid	81mg	Viên nén bao tan trong ruột	Uống	Hộp 20 vi x 10 viên	893110257523	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	67	1.200.000
9	Nhóm 1	Công ty TNHH SK Quốc Tế	ACMT243	Aceralgin 400mg	Aciclovir	400mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	893610797124	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.000	18.000
10	Nhóm 1	CTY CP DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	MEIT223	Meileo	Aciclovir	25mg/ml; 10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Hộp 5 ống 10ml	840110004924	Meiji Pharma Spain, S.A	Tây Ban Nha	977/QĐ-BVKV	Ống	278.000	50
11	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VAMT241	Vaminolact	Acid amin*	Alanin 630mg; Arginin 410mg; Acid aspartic 410mg; Cystein 100mg; Acid glutamic 710mg; Glycin 210mg; Histidin 210mg; Isoleucin 310mg; Leucin 700mg; Lysin 560mg; 130 mg; 270mg; 560mg; 380 mg; 30mg; 360mg; 140mg; 50mg; 360mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 10 chai 100 ml	VN-19468-15	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	977/QĐ-BVKV	Chai	135.450	300
12	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hiệp Bách Niên	RIAT201	Rianam	Acid amin*	(1840mg + 1890mg + 790mg + 88mg + 60mg + 428mg + 140mg + 1780mg + 1680mg + 3074mg + 40mg + 620mg + 1060mg + 520mg + 80mg + 1080mg)/200ml (7,585%)	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 Chai x 200 ml	893110224023	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	110.000	500
13	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	AMIT269	Aminoleban	Acid amin*	(0,08g(0,06g) + 0,2 g + 1,8g + 0,14g + 1g + 0,64g (0,47) + 1,6g + 0,9g + 0,2g + 1,8g + 1,68g + 1,5g + 1,46g (1,21) + 2,2g + 1,52g (1,22))/200ml	Tiêm/tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20 túi x 200 ml	VD-36020-22	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	104.000	500
14	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	AMIT267	Amiparen 10%	Acid amin*	(0,1g + 0,2g + 0,2g + 0,2g + 0,78g + 0,6g + 1g + 1g + 1,14g + 1,4g + 1,6g + 1,6g + 1,6g + 2,1g + 2,8g + 1,18g + 2,96 (2,1)g + 0,4g)/200ml	Tiêm/tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20túi x 200 ml	893110453623	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	63.000	7.000
15	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	KIDT221	Kidmin	Acid amin*	(0,1 g + 0,2 g + 0,2 g + 0,2 g + 0,6 g + 0,6 g + 0,7 g + 0,6 g + 0,7 g + 1g + 1,8 g + 2 g + 0,5 g + 0,9 g + 2,8 g + 1,42 g(1,01 g) + 0,5 g)/200ml	Tiêm/tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20 túi x 200 ml	VD-35943-22	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	115.000	5.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
16	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	NEOT271	Neoamiyu	Acid amin*	(1,5g + 2g + 1,4g + 1g + 1g + 0,5g + 0,5g + 1,5g + 0,6g + 0,6g + 0,05g + 0,05g + 0,5g + 0,4g + 0,2g + 0,1g + 0,3g)/200ml; 6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 200ml	VN-16106-13	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	977/QĐ-BVKV	Túi	116.258	5.000
17	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	AMIT273	Amiparen 10%	Acid amin*	(0,1g + 0,2g + 0,2g + 0,2g + 0,78g + 0,6g + 1g + 1g + 1,14g + 1,4g + 1,6g + 1,6g + 1,6g + 2,1g + 2,8g + 1,18g + 2,96 (2,1g + 0,4g)/200ml	Tiêm/tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20 túi x 200 ml	893110453623	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	63.000	2.100
18	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	THTT229	Thiogamma Turbo-Set	Acid thioctic/ Meglumini thioctat	600mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 lọ x 50ml; Hộp 10 lọ x 50ml	VN-23140-22	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Lo	288.500	4.000
19	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	ACNT203	Acnemin	Adapalen	0,1%; 15g	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp x 15g	VD-26213-17	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	42.000	1.000
20	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Phát	AENT201	Aescinat natri 5 mg	Aescin	5mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 5 lọ x 5mg; Hộp 10 lọ x 5mg	893110055323	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lo	68.000	10.000
21	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Sao Mộc	ANBT201	Anbaescin	Aescin	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35786-22	Công ty Dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.970	220.000
22	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	ZYNT201	Zynadex 40	Aescin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110568624	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.460	100.000
23	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Sao Mộc	ANBT205	Anbaescin	Aescin	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35786-22	Công ty Dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.970	66.000
24	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	ZYNT203	Zynadex 40	Aescin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110568624	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.460	30.000
25	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	GOUT231	Gourcuff-2,5	Alfuzosin	2,5mg	Viên	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-28911-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.500	80.000
26	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm HP	GOUT235	Gourcuff-5	Alfuzosin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-28912-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.100	200.000
27	Nhóm 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Nhất Anh	SADT229	Sadapron 100	Allopurinol	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	529110521624	Remedica Ltd	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	1.920	50.000
28	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ALPT213	Alphachymotrypsin	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Viên nén	Uống	Hộp 50 vi x 10 viên	893110074200	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	106	200.000
29	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần AZENCA	AMST205	Ambroxol 60-sol	Ambroxol	60mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Hộp 1 tuýp; 10 tuýp x 5 viên; Hộp 1 tuýp; 10 tuýp x 10 viên; Hộp 1 tuýp; 10 tuýp x 20 viên	893110043424	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.400	120.000
30	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	AMMT259	Ambroxol 30mg	Ambroxol	30mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893100455423	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.200	600.000
31	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	SAVT283	Savibroxol 30	Ambroxol	30mg	Viên nén sủi	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893100044223	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.950	330.000
32	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Đại An Phú	AMMT263	Amikacin 1000mg/100ml	Amikacin	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Hộp 1 túi 100ml; Thùng 20 Túi 100ml	893110119823	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	87.000	5.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
33	Nhóm 4	Công ty TNHH BIDIVINA	AMMT261	Amikacin 250mg/100ml	Amikacin	250mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Thùng 20 túi 100ml, hộp 1 túi 100ml	893110165523	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	34.000	3.000
34	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	TRMT217	Triplixam 10mg/2.5mg/5mg	Amlodipin + indapamid + perindopril	5mg + 2,5mg + 6,79mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-9-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	11.130	30.000
35	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	TRMT221	Triplixam 5mg/1.25mg/10mg	Amlodipin + indapamid + perindopril	10mg + 1,25mg + 3,395mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-10-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	8.557	30.000
36	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	TRMT219	Triplixam 5mg/1.25mg/5mg	Amlodipin + indapamid + perindopril	5mg + 1,25mg + 3,395mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-11-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	8.557	40.000
37	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	TRAT257	Troysar AM	Amlodipin + losartan	5mg + 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-23093-22	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	India	977/QĐ-BVKV	Viên	5.259	200.000
38	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	HYPT207	Hyalor plus	Amlodipin + Valsartan	10mg + 160mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.600	60.000
39	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	NATT227	Natrixam 1.5mg/10mg	Amlodipine+ indapamide	10mg + 1,5mg	viên nén giải phóng kiểm soát	Uống	Hộp 6 vi x 5 viên	300110029723	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	4.987	20.000
40	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	NATT229	Natrixam 1.5mg/5mg	Amlodipine+ indapamide	5mg + 1,5mg	Viên nén giải phóng kiểm soát	Uống	Hộp 6 vi x 5 viên	300110029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	4.987	40.000
41	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Duy Anh	PHIT239	Pharmox IMP 250mg	Amoxicilin	250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 12 gói x 1 g	VD-31725-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vinh Lộc	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	4.800	40.000
42	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh	AMCT201	Amoxicillin/acid clavulanic Sandoz GmbH	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 12 gói	VN-18082-14	Sandoz GmbH	Austria	977/QĐ-BVKV	Gói	17.000	30.000
43	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh	AMCT203	Amoxicillin/acid clavulanic Sandoz GmbH	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 12 gói	VN-18082-14	Sandoz GmbH	Austria	977/QĐ-BVKV	Gói	13.860	70.000
44	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Đại An Phú	NERT209	Nerusin 1,5g	Ampicilin + sulbactam	1g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Hộp 10 lọ	893110387824	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	39.984	18.000
45	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	AMST207	Ampicillin and Sulbactam 2g + 1g	Ampicilin + sulbactam	2g + 1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 Lọ	800110186600	Mitim s.r.l	Ý	977/QĐ-BVKV	Lọ	120.000	25.000
46	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông	NEGT253	Nerusin 3g	Ampicilin + sulbactam	2g + 1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Hộp 10 lọ	893110387924	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	84.400	25.000
47	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	AUGT237	Aupisin 3g	Ampicilin + sulbactam	2g + 1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ, lọ thủy tinh	893110288224	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	53.830	20.000
48	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	PANT229	Pancreas	Amylase + lipase + protease	4080IU + 3400IU + 238IU	Viên nén bao tan trong ruột	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-25570-16	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.000	80.000
49	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Phúc An	SEWT203	Septanest with Adrenaline 1/100,000	Articaine hydrochloride + Adrenaline	(68mg + 0,017mg)/1,7ml	Dung dịch tiêm dùng trong nha khoa	Tiêm	Hộp carton chứa 50 cartridge, mỗi cartridge chứa 1,7ml dung dịch	300110039825	Septodont	France	977/QĐ-BVKV	Ông	17.350	5.000
50	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	LIMT253	Lipostat 20mg	Atorvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	VD-24004-15	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	392	1.000.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
51	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	ATOT231	Atovze 40/10	Atorvastatin + Ezetimibe	40mg + 10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-34579-20	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.500	220.000
52	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	BIAT205	Biazix	Azithromycin	500mg	Thuốc tiêm đóng khô	Tiêm	Hộp 5 lọ + 5 ống nước cất tiêm 5ml; Lọ thuốc tiêm đóng khô; ống nước cất tiêm 5ml (SDK: VD-24904-16)	893110231824	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	92.700	1.000
53	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần SANTAV	DOMT313	DOMUVAR	Bacillus subtilis	Bào tử Bacillus subtilis 2 x 10 <sup>9</sup> CFU/5ml	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 ống nhựa x 5 ml/ống Hộp 2 vỉ x 10 ống nhựa x 5 ml/ống Hộp 3 vỉ x 10 ống nhựa x 5 ml/ống Hộp 4 vỉ x 10 ống nhựa x 5 ml/ống	893400090523	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	5.346	40.000
54	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm Tường Thành	MEZT221	Mezaterol 20	Bambuterol	20mg	Viên nén	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	893110286423	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	483	250.000
55	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	SATT211	Satarex	Beclometason (dipropionat)	0,05mg/liều xịt 0,05ml	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	Hộp 1 lọ x 150 liều	893100609724	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	55.900	1.000
56	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	SATT213	Satarex	Beclometason (dipropionat)	0,05mg/liều xịt 0,05ml	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	Hộp 1 lọ x 150 liều	VD-25904-16	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	55.900	1.000
57	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DIVT237	Divaser-F	Betahistin	16mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	893110313324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	380	100.000
58	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Trang Thiết Bị Y Tế Nhân Trung	ASBT203	Asbesone	Betamethason	0,5mg/1g; 30g	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp x 30g	531110007624	Replek Farm Ltd. Skopje	Singapore	977/QĐ-BVKV	Tuýp	61.500	3.000
59	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Anh	DABT203	Dabilas	Bilastine	2,5mg/ml; 4ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống x 4 ml	893110174023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	7.770	20.000
60	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm NEW FAR EAST	BILT207	Bilason	Bilastine	20mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110180525	Unison Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	8.450	120.000
61	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	BIHT227	Bisoplus HCT 5/12.5	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	5mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110049223	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.394	300.000
62	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Ý Đông	BIST231	Bisoprolol/Hydrochlorothiazide 2.5/6.25mg	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	2,5mg + 6,25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110370323	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.100	200.000
63	Nhóm 2	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	SAPT213	SaviProlol Plus HCT 5/6.25	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	5mg + 6,25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-20814-14	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.373	350.000
64	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	BRMT213	Brosuvon 8mg	Bromhexin (hydroclorid)	8mg/5ml; 30ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Hộp 01 chai x 30ml	VD-29284-18	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	28.000	10.000
65	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	BATT219	Batiwell	Bromhexin (hydroclorid)	0,8mg/1ml; 10ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống x 10ml	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	2.625	20.000
66	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	BRIT233	Bromhexine Injection	Bromhexin (hydroclorid)	4mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống 2ml	VN-22931-21	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd	Taiwan	977/QĐ-BVKV	Ống	12.400	8.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
67	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	ZENT277	Zenonid	Budesonid	0,5mg (2ml)	Hỗn dịch dùng cho khí dung	Đường hô hấp	Hộp 2 vi x 5 lọ nhựa/vi nhôm x 2ml/lọ	893110281923	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	12.547	20.000
68	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Anh	ABRT201	Abricotis	Calci carbonat + Vitamin D3	600mg + 500UI	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	VN-23069-22	Probiotec Pharma Pty.Ltd	Australia	977/QĐ-BVKV	Viên	5.675	60.000
69	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Anh	ABRT205	Abricotis	Calci carbonat + Vitamin D3	600mg + 500UI	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	VN-23069-22	Probiotec Pharma Pty.Ltd	Australia	977/QĐ-BVKV	Viên	5.675	18.000
70	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	CACT239	Calci Clorid 500mg/5ml	Calci clorid	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	893110337024	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	838	3.000
71	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm MEDA	POMT213	Pomonolac	Calcipotriol	0,75mg	Thuốc mỡ bôi da	Đùng ngoài	Hộp 1 tuýp x 15g	VD-27096-17	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	120.000	300
72	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	HADT205	Hadusartan 16	Candesartan	16mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110369024	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.990	200.000
73	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	SART219	Sartan	Candesartan	32mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110164424	Công ty cổ phần Dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.500	160.000
74	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	SART225	Sartan/HCTZ	Candesartan + hydrochlorothiazid	16mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-28027-17	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.894	180.000
75	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà	GIFT211	Ginkor Fort	Cao ginkgo biloba+ heptaminol clohydrat+ troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-16802-13	BEAUFOR IPSEN INDUSTRIE	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	3.587	40.000
76	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà	GIFT213	Ginkor Fort	Cao ginkgo biloba+ heptaminol clohydrat+ troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-16802-13	BEAUFOR IPSEN INDUSTRIE	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	3.587	12.000
77	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DURT229	Duratocin	Carbetocin	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 lọ x 1ml	VN-19945-16	Ferring GmbH	Thụy Sĩ	977/QĐ-BVKV	Lọ	261.500	300
78	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DURT235	Duratocin	Carbetocin	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 lọ x 1ml	VN-19945-16	Cơ sở sản xuất: Ferring; Cơ sở đóng gói: Ferring International Center SA	Đức/Thụy Sĩ	977/QĐ-BVKV	Lọ	261.500	90
79	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần GONSA	SYXT201	Syxten 5%	Carbocistein	250mg/5ml (100ml)	Siro	Uống	Hộp 1 lọ 100ml	VN-22841-21	S Kant Healthcare Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Lọ	65.000	1.000
80	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	CAMT269	Carbocisteine 375mg Capsules	Carbocistein	375mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	890100125624	Flamingo Pharmaceuticals Ltd	India	977/QĐ-BVKV	Viên	2.795	200.000
81	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	NAKT201	Nakflon	Carbocistein	375mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 15 viên	893100001523	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.730	240.000
82	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	LIET203	Liposic Eye Gel	Carbomer	0,2% (2mg/g)	Gel tra mắt	Nhỏ mắt	Hộp/ 1 tuýp 10g	VN-15471-12	Dr. Gerhard Mann Chem.-pharm. Fabrik GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Tuýp	65.000	1.000
83	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Dược Nam Đông	CORT225	Coryol 12.5mg	Carvedilol	12.5mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 7 viên	383110074523	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	1.827	200.000
84	Nhóm 1	Công Ty Cổ Phần Dược Nam Đông	CORT229	Coryol 6.25mg	Carvedilol	6.25mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 7 viên	VN-18274-14	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	1.280	300.000
85	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	CART233	Cardilol 25	Carvedilol	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-35485-21	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.300	300.000
86	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Văn Lam	CAPT213	Capozide 70	Casopfungin*	70mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	880110136123	Penmix Ltd	Korea	977/QĐ-BVKV	Lọ	3.150.000	10
87	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	CAAT203	Casopfungin Acetate for injection 50mg/Vial	Casopfungin*	50mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ	890110407323	Gland Pharma Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Lọ	3.149.000	100
88	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	CAMT273	Casopfungin 50 mg	Casopfungin*	50mg	Bột đông khô pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 01 lọ	400110003625	BAG Health Care GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Lọ	4.860.000	50

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
89	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	CAMT271	Caspofungin 70 mg	Caspofungin*	70mg	Bột đông khô pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 01 lọ	400110003725	BAG Health Care GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Lọ	6.600.088	10
90	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ RITA Phạm	CEFT305	Cefazolin 2000	Cefazolin	2000mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ bột, Hộp 10 lọ bột	893110278424	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	48.500	1.000
91	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm META	ZONT209	Zonazi	Cefdinir	Mỗi 6ml hỗn dịch sau pha chứa: Cefdinir 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 chai bột pha 60ml hỗn dịch uống	VD-31700-19	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	124.998	7.000
92	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm SAGORA	CEMT249	Cefdinir 100mg/5ml	Cefdinir	100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 lọ 12g	893110311200	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	110.000	3.000
93	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	IMET221	Imexime 200	Cefixim	200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	"Hộp 12 Gói x 2,1 gam, Gói giấy nhôm"	893110146223	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	9.000	40.000
94	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại ALASKA	UNGT201	Unsefera 1 G	Cefoperazon	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 1g, Hộp 10 lọ x 1g	893110236324	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc tế	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	27.800	15.000
95	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại ALASKA	UNGT203	Unsefera 2g	Cefoperazon	2g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ x 2g	VD-35241-21	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc tế	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	56.994	20.000
96	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	SUGT213	Sucefone 3g	Cefoperazon + sulbactam	2g + 1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	893110095125	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	82.000	10.000
97	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	CEST227	Cefopefast- S 3000	Cefoperazon + sulbactam	2000mg + 1000mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	893110244223	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	122.000	10.000
98	Nhóm 2	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	CEGT263	Cefoperazone 1g	Cefoperazon*	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 1g; Hộp 10 lọ x 1g	VD-31709-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	42.948	25.000
99	Nhóm 1	Công ty TNHH SK Quốc Tế	FOGT215	Fordamet 1g	Cefoperazon*	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893710958224	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	52.000	10.000
100	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	FOTT215	Fotimyd 2000	Cefotiam*	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ; Hộp 1 lọ kèm ống nước cất pha tiêm	893110208525	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	114.996	20.000
101	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Tự Đức	CEFT307	Cefoxitin 2000	Cefoxitin	2000mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ bột pha tiêm; Hộp 10 lọ bột pha tiêm	893110029224	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	200.000	20.000
102	Nhóm 2	Công ty TNHH SK Quốc Tế	FOGT217	Foxitimed 1g	Cefoxitin	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893110162500	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	56.900	15.000
103	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	CEPT221	Cepoxitil 200	Cefpodoxim	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	893110242100	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	9.440	120.000
104	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	ALKT203	Alkidazol	Cefpodoxim	480mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 lọ để pha 60 ml hỗn dịch uống	VD-31221-18	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	66.990	500
105	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	CEFT309	Ceftibiotic 1000	Ceftizoxim	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	893110487324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	63.800	16.000
106	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	BLUT225	Bluecezine	Cetirizin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20660-17	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra)	Bồ Đào Nha	977/QĐ-BVKV	Viên	3.790	120.000
107	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm HP	ESST221	Esseil-5	Cilnidipin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110434824	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.498	200.000
108	Nhóm 1	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	CIST205	Cinnarizine Sopharma 25mg	Cinnarizin	25mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vỉ x 50 viên	380110009623	Sopharma AD	BULGARIA	977/QĐ-BVKV	Viên	693	80.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
109	Nhóm 4	Công ty TNHH BIDIVINA	CIFT203	Cipofibrate-5A Farma 100mg	Cipofibrat	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên	893110119325	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.150	120.000
110	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	CIIT205	Ciprofloxacim IMP 200mg/20ml	Ciprofloxacim	200mg/20ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ x 20ml	VD-35187-21	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	66.990	18.000
111	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	CETT223	Cetralax	Ciprofloxacim	0,2% (w/v)	Dung dịch nhỏ tai	Nhỏ tai	Hộp 1 gói x 15 ống x 0,25ml	VN-18541-14	Laboratorios Salvat, S.A	Spain	977/QĐ-BVKV	Ống	8.600	1.500
112	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	CETT225	Cetralax	Ciprofloxacim	0,2% (w/v)	Dung dịch nhỏ tai	Nhỏ tai	Hộp 1 gói x 15 ống x 0,25ml	840115525624	Laboratorios Salvat, S.A	Spain	977/QĐ-BVKV	Ống	8.600	18.500
113	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm ATIPHARM	DETR211	Derminate	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	VD-35578-22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	6.300	1.000
114	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm ATIPHARM	DETR211	Derminate	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	VD-35578-22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	6.300	1.000
115	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	WZTT201	Wzitamyl TM	Clotrimazol	200mg	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên	893110613124	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.000	1.000
116	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	LOBT203	Lobetazol	Clotrimazol + betamethason	(100mg + 6,4mg); 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Hộp 01 tuýp x 10g	893110037100	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	14.770	600
117	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	LOBT205	Lobetazol	Clotrimazol + betamethason	(100mg + 6,4mg); 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Hộp 01 tuýp x 10g	VD-33668-19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	14.770	100
118	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	CLGT209	Cloxacilin 1g	Cloxacilin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	893110687224	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	39.830	6.000
119	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	TERT217	Terpincolid	Codein + terpin hydrat	15mg + 100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	893111215600	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	609	160.000
120	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	COST221	Colistimetatode Sodio Altan Pharma 2 millones de UI	Colistin*	2 MIU	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ	840114767524	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Spain	977/QĐ-BVKV	Lọ	790.000	2.000
121	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Vũ Minh	COFT211	Colistimethate for Injection U.S.P.[4.5 MIU]	Colistin*	150mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	VN-20727-17	Patheon Manufacturing Services LLC	Hoa Kỳ	977/QĐ-BVKV	Lọ	1.026.900	1.000
122	Nhóm 2	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	COMT433	Colistin 3 MIU	Colistin*	3MIU	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 5 lọ, Hộp 10 lọ	893114940624	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	858.000	4.000
123	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	ALCT219	Alcool 70°	Cồn 70°	43,75ml/ 60ml (chai 60ml)	Cồn thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai 60ml	VD-31793-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	2.835	200
124	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	ALCT221	Alcool 70°	Cồn 70°	43,75ml/ 60ml (chai 1 lít)	Cồn thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai 1 lít	VD-31793-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	28.350	1.000
125	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	ALCT223	Alcool 70°	Cồn 70°	43,75ml/ 60ml (chai 500ml)	Cồn thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai 500ml	VD-31793-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	16.800	1.500

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
126	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	CLMT235	Clorpheniramin maleat 4mg	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	4mg	Viên nén	Uống	Chai 1000 viên	893100307823	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	28	250.000
127	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GLIT207	Giilatilin	Choline alfoscerat	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 ống 4ml	VN-13244-11	Italfarmaco S.P.A	Italy	977/QĐ-BVKV	Ống	69.300	1.500
128	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	FLUT235	Fluomizin	Dequalinium clorid	10mg	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 6 viên	VN-16654-13	Cơ sở sản xuất: Rottendorf Pharma GmbH; Cơ sở đóng gói: Rottendorf Pharma GmbH; Cơ sở xuất xưởng: Medinova AG	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	19.420	4.000
129	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	AMIT271	Amirus	Desloratadin	2,5mg/5ml; 90ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 1 chai 90 ml	893100109900	Công ty cổ phần Medcen	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	53.000	1.000
130	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm An Nhân	DEST229	Deslora	Desloratadin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-26406-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.552	300.000
131	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	DEXT263	Dexamethasone	Dexamethason	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 1ml	893110237800	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	700	3.000
132	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	DEXT265	Dexamethasone	Dexamethason	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 1ml	VD-25856-16	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	700	2.000
133	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BIDT215	Bidexivon 200	Dexibuprofen	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	893110144723	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.260	390.000
134	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	DEXT267	Dextromethorphan 15	Dextromethorphan	15mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110394824	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	134	150.000
135	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	DIMT361	Diazepam 5mg	Diazepam	5mg	Viên	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-24311-16	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	300	5.000
136	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	ELMT219	Elaria 100mg	Diclofenac	100mg	Viên đạn đặt hậu môn	Đặt	Hộp 2 vi x 5 viên	VN-20017-16	Medochemie Ltd - Cogols Facility	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	14.000	9.000
137	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim	ELAT207	Elaria	Diclofenac	75mg/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống	VN-16829-13	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Ống	8.900	4.000
138	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Tây Âu	DIGT257	Digorich	Digoxin	0,25mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vi x 30 viên; Hộp 2 vi x 30 viên	VD-22981-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	630	5.000
139	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm STABLED	DIDT201	Diltiazem DWP 30mg	Diltiazem	30mg	Viên nén	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	893110058423	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	483	50.000
140	Nhóm 4	Công ty Cổ phần dược Đại Nam	NATT231	Natcorig	Docusate natri	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893100111924	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.600	120.000
141	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Phạm Anh	APIT233	Apidom	Domperidon	5mg/5ml (10ml)	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10ml	893110477224	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	4.350	10.000
142	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	DODT203	Donepezil Danapha 5 ODT	Donepezil	5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110728224	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.100	3.000
143	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	EXPT201	Expas 40	Drotaverin clohydrat	40mg	Viên nén	Uống	hộp 5 vi x 10 viên	893110378824	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	458	250.000
144	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BITT269	Bitolysis 1,5% Low calci	Dung dịch lọc màng bụng	(1,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08 mg)/100ml (2 lít)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Dung dịch thẩm phân	Túi nhựa 2 lít	893110038923	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	69.993	39.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dực	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
145	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BITT267	Bitolysis 2,5% Low calci	Dung dịch lọc màng bụng	(2,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08 mg)/100ml (2 lít)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Dung dịch thẩm phân	Túi nhựa 2 lít	VD-18932-13	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	69.993	17.000
146	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DILT313	Dianeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose	Dung dịch lọc màng bụng	(18,3mg + 1,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml (2 lít)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Dung dịch thẩm phân	Thùng 6 túi 2 lít	888110780824	Vantive Manufacturing Pte. Ltd.	Singapore	977/QĐ-BVKV	Túi	78.178	8.000
147	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DILT311	Dianeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose	Dung dịch lọc màng bụng	(18,3mg + 2,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml (2 lít)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Dung dịch thẩm phân	Thùng 6 túi 2 lít	888110780924	Vantive Manufacturing Pte. Ltd.	Singapore	977/QĐ-BVKV	Túi	78.178	4.000
148	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DILT309	Dianeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 4.25% Dextrose	Dung dịch lọc màng bụng	(18,3mg + 4,25g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml (2 lít)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Thùng 6 túi 2 lít	888110781024	Vantive Manufacturing Pte. Ltd.	Singapore	977/QĐ-BVKV	Túi	78.178	30
149	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	KYAT219	Kydheamo - 2A	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	(210,7g + 5,222g + 9,0g + 3,558g + 6,310g + 35,0g)/1000ml	Dung dịch thẩm phân máu	Dung dịch thẩm phân	Thùng 1 can 10 lít	893110160025	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Can	136.213	10.241
150	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	KYAT217	Kydheamo - 2A	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	(210,7g + 5,222g + 9,0g + 3,558g + 6,310g + 35,0g)/1000ml	Dung dịch thẩm phân máu	Dung dịch thẩm phân	Thùng 1 can 10 lít	VD-28707-18	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Can	136.213	1.759
151	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	KYBT221	Kydheamo-1 B	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	84g/1000ml	Dung dịch thẩm phân máu	Dung dịch thẩm phân	Thùng 1 can 10 lít	VD-29307-18	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Can	134.507	2.462
152	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	KYBT223	Kydheamo-1 B	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	84g/1000ml	Dung dịch thẩm phân máu	Dung dịch thẩm phân	Thùng 1 can 10 lít	893110159925	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Can	134.507	12.538
153	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	DUWT235	Duosol without potassium solution for haemofiltration	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	555ml dung dịch điện giải: 2,34g + 1,1g + 0,51g + 5g và 4445ml dung dịch bicarbonat: 27,47g + 15,96g	Dung dịch dùng để lọc máu	Tiêm truyền	Hộp 2 Túi, Túi 2 ngăn, Mỗi túi gồm 1 ngăn chứa 4445ml dung dịch bicarbonat và 1 ngăn chứa 555ml dung dịch điện giải	400110020123	B. Braun Avitum AG	Germany	977/QĐ-BVKV	Túi	643.948	1.000
154	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DRYT205	Dryches	Dutasterid	0,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110703324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.990	5.000
155	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	ROMT217	Ronaline 25 mg	Empagliflozin	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD3-195-22	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	18.900	30.000
156	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	ROMT221	Ronaline 25 mg	Empagliflozin	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD3-195-22	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	18.900	9.000
157	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BIDT217	Bidinatec 5	Enalapril	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110208023	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	798	200.000
158	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Minh Trí	SAET227	Savi Enalapril HCT 10/12,5	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110098100	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.499	300.000
159	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	EPHT203	Ephedrine Hydrochloride Injection 30 mg in 1 ml	Ephedrin (hydroclorid)	30mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	VN-23066-22	Macarthys Laboratories Limited T/A Martindale Pharmaceuticals	United Kingdom	977/QĐ-BVKV	Ống	57.750	2.000
160	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	ERVT203	Ertapenem VCP	Ertapenem*	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	893110035700	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	519.810	500

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
161	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông	NAIT235	Nanokine 4000 IU	Erythropoietin	4000 IU/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	QLSP-919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lo	258.300	20.000
162	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	STRT217	Stresam	Eritroxin chlohydrat	50mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vỉ x 20 viên	VN-21988-19	Biocodex	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	3.300	30.000
163	Nhóm 1	Công ty TNHH Hạnh Nhật	EZTT201	Ezoleta Tablet	Ezetimibe	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22950-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	11.000	50.000
164	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Y Tế HALIPHAR	FENT229	Fentimeyer 600	Fenticonazol nitrat	600mg	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Hộp 01 vỉ x 10 viên, hộp 01 vỉ x 03 viên, hộp 02 vỉ x 03 viên.	VD-32719-19	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	44.250	2.000
165	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	FEXT203	Fexostad 180	Fexofenadin	180mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	893100049623	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.200	60.000
166	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần GONSA	MIRT209	Mirenzine 5	Flunarizin	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110484324	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.245	30.000
167	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	OLIT207	Oliveirim	Flunarizin	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 06 vỉ x 10 viên	893110883224	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.484	30.000
168	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm A.C.T	BIMT221	Biflufen 100mg	Flurbiprofen natri	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 15 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên	868110137023	Bilim Ilac San. ve Tic. A.S.	Turkey	977/QĐ-BVKV	Viên	10.500	180.000
169	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Sóng Nhụ	FLST205	Fluvastatin SOHA 40	Fluvastatin	40mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110076325	Công ty cổ phần dược phẩm Soha Vimex	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.750	220.000
170	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Hồng Lộc Phát	FLUT237	Fluvas-QCM	Fluvastatin	20mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110168323	Nhà máy HDPharma EU - Công ty cổ phần Dược VITYT Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.475	255.000
171	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	SAFT253	Savi Fluvastatin 40	Fluvastatin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên	893110338524	Công ty cổ phần Dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.300	250.000
172	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	FLCT205	Fluvastatin Cap DWP 20mg	Fluvastatin	20mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	893110220423	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.465	450.000
173	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm MEDA	FOGT219	Fosfomed 2g	Fosfomycin (natri)	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	893110392023	Công ty TNHH Sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	80.210	3.000
174	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	FOGT221	Fosfomed 4g	Fosfomycin (natri)	4g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	VD-34610-20	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	217.172	3.000
175	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	DOTT215	Dotarem	Gadoteric acid	27,932g/100ml (10ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ 10ml	VN-23274-22	Guerbet	France	977/QĐ-BVKV	Lọ	542.000	100
176	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	SAGT225	Savi Glipizide 5	Glipizid	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110371223	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.935	400.000
177	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	MIMT245	Mitipizid 5mg	Glipizid	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35325-21	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.650	400.000
178	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm An Nhân	OTIT227	Otibone 1000	Glucosamin	1000mg	Thuốc bột uống	Uống	Hộp 30 gói x 3,8g	VD-20178-13	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.555	70.000
179	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm VILOPHAR	CIST207	Cisse	Glucosamin	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	893100659524	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.493	54.000
180	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm VILOPHAR	CIST209	Cisse	Glucosamin	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-27448-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.493	6.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
181	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	GLUT349	Glucose 30%	Glucose	0,3g (500ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	VD-23167-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	15.615	1.000
182	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	GLUT351	Glucose 30%	Glucose	0,3g (250ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 30 chai 250ml	VD-23167-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	12.417	3.000
183	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	GLUT347	Glucose 5%	Glucose	5g (100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	VD-28252-17	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	7.060	1.000
184	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	GLUT355	Glucose 10%	Glucose	10g/100ml (500ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 500ml	893110055400	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	8.600	9.000
185	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	GLUT357	Glucose 5%	Glucose	5g/100ml (500ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 500ml	893110155225	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	6.700	21.000
186	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	GLUT359	Glucose 5%	Glucose	5g/100ml (500ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 500ml	VD-33120-19	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	6.700	1.000
187	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm An Phát	EMAT203	Emas	Glycerin	10mg/1ml	Dung dịch thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Hộp 01 lọ 12ml	893100436124	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	25.200	4.000
188	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	STIT235	Stiprol[9g]	Glycerol	2,25gam/3g	Gel thực trực tràng	Thụt	Hộp 6 tuýp x 9g	893100092424	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	6.930	3.000
189	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GRKT201	Granisetron Kabi 1mg/ml	Granisetron hydroclorid	1mg/ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm/tiêm truyền	Tiêm	Hộp 5 ống 1ml	VN-21199-18	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Bồ Đào Nha	977/QĐ-BVKV	Ống	23.969	2.000
190	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Thái Nhân	GIKT221	Gikorcen	Ginkgo biloba	120mg	Viên nang mềm	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-22803-21	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea	977/QĐ-BVKV	Viên	6.250	50.000
191	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Bách Khang	INTT215	Interginko Tab (Ginkgo leaf extract 80mg)	Ginkgo biloba	80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-21147-18	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Korea	977/QĐ-BVKV	Viên	4.450	80.000
192	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	IMIT231	Immunohbs 180IU/ml	Human Hepatitis Immunoglobulin	180IU/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 1ml	QLSP-0754-13	KEDRION S.P.A	Ý	977/QĐ-BVKV	Lọ	1.750.000	300
193	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	SYST227	Syseye	Hydroxypropyl methylcellulose	0,3% (w/v)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	893100182624	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	30.000	4.000
194	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm An Nhân	VAST231	Vacobufen 400 Sachet	Ibuprofen	400mg	Thuốc cốm	Uống	Hộp 10 Gói x 1,5 gam; Hộp 30 Gói x 1,5 gam; Hộp 50 Gói x 1,5 gam; Hộp 100 Gói x 1,5 gam; Hộp 200 Gói x 1,5 gam; Hộp 300 Gói x 1,5 gam	893100161123	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.700	120.000
195	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	INST217	Indatab SR	Indapamid	1,5mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-16078-12	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	2.500	100.000
196	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Kim Đô	NAST235	Natrilix SR	Indapamid	1,5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22164-19	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	3.265	150.000
197	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	INDT213	Indocollyre	Indomethacin	0,1% (5ml)	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp/ 1 lọ 5ml	300100444423	LABORATOIRE CHAUVIN	France	977/QĐ-BVKV	Lọ	68.000	1.000
198	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	TOST211	Toujevo Solostar	Insulin glargine	300 (đơn vị) U/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	400410304624	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Bút tiêm	415.000	3.000
199	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	INST219	Insunova 30/70 (Biphasic)	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	100IU/ml (10ml)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	QLSP-847-15	Biocon Biologics Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Lọ	54.000	10.400
200	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	INST223	Insunova 30/70 (Biphasic)	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	100IU/ml (10ml)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	890410176800	Biocon Biologics Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Lọ	54.000	6.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
201	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	INST221	Insunova 30/70 (Biphasic)	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	100IU/ml (10ml)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	890410176800	Biocon Biologics Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV(SDK)	Lo	54.000	9.600
202	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần ARMEPHACO	EPAT223	Epamiro 300	Iopamidol	Mỗi 1 ml dung dịch chứa: Iodine (dưới dạng Iopamidol 612mg) 300mg (50ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ 50 ml	893110450023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	245.900	1.000
203	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông	IBMT225	Ibertain MR	Irbesartan	150mg	Viên nén tác dụng kéo dài	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-7792-09	Công ty TNHH dược phẩm Vellpharm Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.439	260.000
204	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Vũ Minh	CORT231	CoRycardon	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	529110026925	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	2.900	169.820
205	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Vũ Minh	CORT233	CoRycardon	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-22389-19	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	2.900	30.180
206	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm VILOPHAR	ISOT201	Isoday 20	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	20mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 14 viên	VN-23147-22	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	2.450	100.000
207	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	DOMT315	Donox 20mg	Isosorbid (dinitrat hoặcmononitrat)	20mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110183824	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.420	80.000
208	Nhóm 1	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	NAMT225	Nadecin 10mg	Isosorbid dinitrat	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-17014-13	Arena Group SA	Romania	977/QĐ-BVKV	Viên	2.599	200.000
209	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Thái Nhân	IBUT205	Ibutop 50	Itoprid	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	893110672024	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.600	200.000
210	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	ITRT219	Itranstad	Itraconazol	100mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vi x 6 viên, Hộp 10 vi x 6 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	893110697524	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.214	10.000
211	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	KACT259	Kalium chloratum biomedica	kali clorid	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-14110-11	Biomedica, spol.s.r.o	CH Sec	977/QĐ-BVKV	Viên	1.785	120.000
212	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Vĩnh Long	XUDT201	Xusod Drops	Kali iodid + natri iodid	(15mg + 15mg)/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	893110225024	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	27.300	1.000
213	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần ARMEPHACO	DATT215	Daeladin Tablet	Lacidipin	4mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 9 vi x 10 viên	880110356324	Daehan New Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	977/QĐ-BVKV	Viên	4.235	100.000
214	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DUPT263	Duphalac	Lactulose	10g/15ml (200ml)	Dung dịch uống	Uống	Chai 200ml	870100067323	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	977/QĐ-BVKV	Chai	130.000	5.000
215	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DUPT265	Duphalac	Lactulose	10g/15ml (15ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 15ml	870100067323	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	977/QĐ-BVKV	Gói	5.600	120.000
216	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Mỹ	TEMT207	Temvir	Lamivudin + tenofovir	100mg + 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	893110396723	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	10.878	30.000
217	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần SANTAV	STAT243	STADELTINE	Levocetirizin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	893100338723	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.800	80.000
218	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần SANTAV	STAT245	STADELTINE	Levocetirizin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-27542-17	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.800	80.000
219	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Sao Mộc	SUNT239	Sun-Levorizin	Levocetirizin	0,5mg/1ml; ống 10ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 30 ống x 10ml	893100116300	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	8.600	10.000
220	Nhóm 2	Công ty TNHH Hồng Phúc Bảo	LEOT201	Lexvotene-S Oral Solution	Levocetirizin	5mg	Dung dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10ml	VN-22679-20	Genuone Sciences Inc	Hàn Quốc	977/QĐ-BVKV	Gói	5.900	20.000
221	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	CALT213	Carbidopa Levodopa 25/250mg Tablets	Levodopa + carbidopa	250mg + 25mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	890110012323	EvertoGen Life Sciences Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	5.494	20.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
222	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	CALT217	Carbidopa Levodopa 25/250mg Tablets	Levodopa + carbidopa	250mg + 25mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	890110012323	Evertogen Life Sciences Limited	Ân Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	5.494	6.000
223	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiền Mai	LEMT215	Levofloxacin 750mg/150ml	Levofloxacin*	750mg/150ml (150ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 5 túi, 10 túi nhóm x 01 chai 150ml	VD-35192-21	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	145.000	5.000
224	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiền Mai	LEVT247	Levogolds	Levofloxacin*	750mg/150ml (150ml)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi nhôm chứa 1 túi truyền PVC chứa 150 ml dung dịch truyền tĩnh mạch	VN-18523-14	InfoRlife SA	Switzerland	977/QĐ-BVKV	Túi	240.000	2.000
225	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT249	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	25mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	400110144123	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	992	5.000
226	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT251	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	50mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	400110141723	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	1.102	10.000
227	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT253	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	75mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	VN-23234-22	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	1.448	15.000
228	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT255	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	25mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	400110144123	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	992	1.500
229	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT257	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	50mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	400110141723	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	1.102	3.000
230	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	LEVT259	Levothyrox	Levothyroxin (muối natri)	75mcg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	VN-23234-22	Merck Healthcare KGaA	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	1.448	4.500
231	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Phúc An	LIST261	Lignospan Standard	Lidocain + epinephrin(adrenalin)	36mg + 0,018mg	Dung dịch tiêm dùng trong nha khoa	Tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống cartridge	300110796724	Septodont	France	977/QĐ-BVKV	Ống	14.859	3.000
232	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Phúc An	LIST259	Lignospan Standard	Lidocain + epinephrin(adrenalin)	36mg + 0,018mg	Dung dịch tiêm dùng trong nha khoa	Tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống cartridge	VN-16049-12	Septodont	France	977/QĐ-BVKV	Ống	14.859	3.000
233	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	LIMT255	Linezolid 600mg/300ml	Linezolid*	600mg/300ml (300ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ 300ml	893110129623	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	184.000	5.000
234	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	PEMT253	Permixon 160mg	Lípidoesterol serenoarepense (Lipid-sterol của Serenoa repens)	160mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 4 vi x 15 viên	VN-22575-20	PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	7.493	40.000
235	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm & Thiết Bị Y Tế Phúc Lộc	LIMT257	Lizetric 10mg	Lisinopril	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 14 viên	VD-26417-17	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.806	150.000
236	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm ZEN	SALT233	Savi Lisinopril 10	Lisinopril	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110293323	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.207	200.000
237	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm ZEN	SALT235	Savi Lisinopril 10	Lisinopril	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-29121-18	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.207	200.000
238	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	UMET231	UmenoHCT 20/25	Lisinopril + hydrochlorothiazid	20mg + 25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110318424	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.850	164.210
239	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	UMET233	UmenoHCT 20/25	Lisinopril + hydrochlorothiazid	20mg + 25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-29133-18	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.850	35.790

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
240	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm MKT	LIHT207	Lisipul HCT 10/12,5	Lisinopril + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-17766-12	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh I	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.994	200.000
241	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	UMET227	UmenoHCT 20/12,5	Lisinopril + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110318324	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.163	200.000
242	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Song Việt	LAHT227	Lacisartan HCT 100/25	Losartan + hydrochlorothiazid	100mg + 25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35901-22	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH HASAN-DERMAPHARM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.050	250.000
243	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	LOTT207	Lotemax	Loteprednol etabonat	0,5% (5mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp/ 1 lọ 5ml	VN-18326-14	Bausch & Lomb Incorporated	USA	977/QĐ-BVKV	Lo	219.500	1.000
244	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	VAST233	Vastanic 20	Lovastatin	20mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110389023	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.490	300.000
245	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	PAST269	Pasigel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	40mg + 5mg + 46mg/1ml(10ml)	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói 10ml	VD-34622-20	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.100	300.000
246	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đồng	ATFT217	Atirlic forte	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800mg + 800mg + 100mg	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 10g	893100203224	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.900	400.000
247	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Phương Châu	VILT203	Vilanta	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	2,668g + 4,596g + 0,276g	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 10g	893100346623	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.415	300.000
248	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	APIT239	Apigel-Plus	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(80mg + 80mg + 8mg)/ml; 10ml	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10 ml	893100199925	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.790	384.010
249	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	APIT235	Apigel-Plus	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(80mg + 80mg + 8mg)/ml; 10ml	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10 ml	VD-33983-20	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.790	700.000
250	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	MAGT247	Magnesi-BFS 15%	Magnesi sulfat	750mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền	Hộp 50 ống x 5ml	893110101724	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	3.700	1.000
251	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	MAST243	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	1,5g	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền	Hộp 50 ống x 10ml	VD-19567-13	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	2.900	6.000
252	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	MANT225	Mannitol	Manitol	20g/100ml( 20% 250ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 30 Chai x 250ml	VD-23168-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	21.000	800
253	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	MANT229	Mannitol	Manitol	20g/100ml( 20% 250ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 30 Chai x 250ml	VD-23168-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	21.000	240
254	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	DURT231	Duspatalin retard	Mebeverin hydroclorid	200mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-21652-19	Mylan Laboratories S.A.S.	France	977/QĐ-BVKV	Viên	5.870	60.000
255	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	METT281	Mezinet tablets 5mg	Mequitazin	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-15807-12	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd.	Đài Loan	977/QĐ-BVKV	Viên	3.950	80.000
256	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đồng	SAMT251	SaVi Mesalazine 500	Mesalazin	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35552-22	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.690	120.000
257	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GLXT221	Glucophage XR 500mg	Metformin	500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 4 vỉ x 15 viên	VN-22170-19	Merck Sante s.a.s	France	977/QĐ-BVKV	Viên	2.338	800.000
258	Nhóm 3	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	MEXT201	Metformin XR 500	Metformin	500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110455523	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	595	400.000
259	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	PAST271	Panfor SR-1000	Metformin	1000mg	Viên nén phóng thích chậm	Uống	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VN-20187-16	Inventia Healthcare Limited	India	977/QĐ-BVKV	Viên	1.171	1.000.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
260	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	COXT209	Cobimet XR 1000	Metformin	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 1 lọ x 30 viên	893110332700	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.030	1.600.000
261	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang	GLPT203	Glutowin Plus	Metformin + glibenclamid	1000mg+ 5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	890110435723	Micro Labs Limited	India	977/QĐ-BVKV	Viên	3.243	300.000
262	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	MEKT227	Metoclopramid Kabi 10mg	Metoclopramid	10mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 12 ống x 2ml	893110310123	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	1.072	7.000
263	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	CAMT277	Carmotop 25mg	Metoprolol	25mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-21529-18	S.C. Magistra C & C SRL	Romania	977/QĐ-BVKV	Viên	1.580	450.000
264	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	CAMT275	Carmotop 50mg	Metoprolol	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-21530-18	S.C. Magistra C & C SRL	Romania	977/QĐ-BVKV	Viên	2.188	400.000
265	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm STABLED	MEMT315	Methocarbamol MCN 1000	Methocarbamol	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	893110949724	Công ty cổ phần Medcen	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.352	400.000
266	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiền Mai	MEMT313	Methocarbamol 750mg	Methocarbamol	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110096225	Công ty TNHH Mekophar	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.820	480.000
267	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	HADT207	Hadubamol 500	Methocarbamol	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110167923	Nhà máy HDPharma EU - Công ty cổ phần Dược VITYT Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.816	300.000
268	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh	BINT203	Binocrit	Methoxy polyethylene glycol epoetin beta	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn và hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn có nắp an toàn kim tiêm	400410178900	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH; Cơ sở xuất xưởng: Sandoz GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Bút tiêm	432.000	2.000
269	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà	NEOT273	Neo-Tergyan	Metronidazol + neomycin + nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 10 viên	300115082323	SOPHARTEX	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	11.860	8.000
270	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Danapha	ZODT215	Zodalan	Midazolam	5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	893112265523	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	17.000	10.000
271	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	MIFT251	Mifepristone 200	Mifepriston	200mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vi x 1 viên	893110024724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	50.000	300
272	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	MOMT289	Momate	Mometason furoat	0,05% (w/w);60 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	Hộp 1 chai x 60 liều	890100178123	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Chai	144.400	2.200
273	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	MOMT291	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Morphin (hydroclorid, sulfat)	10mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Tiêm	Hộp 25 ống x 1ml	893111093823	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	6.993	300
274	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	MOMT287	Morphin 30mg	Morphin sulfat	30mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 7 viên	VD-19031-13	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.140	800
275	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Danapha	MODT201	Moxifloxacin Danapha	Moxifloxacin	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	893115359824	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	9.235	1.000
276	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	TACT219	Tamvelier (cơ sở xuất xưởng: Pharmathen SA, địa chỉ: Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351, Hy Lạp)	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-22555-20	Famar A.V.E. Alimos Plant	Hy Lạp	977/QĐ-BVKV	Lọ	78.799	300
277	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	TACT221	Tamvelier (cơ sở xuất xưởng: Pharmathen SA, địa chỉ: Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351, Hy Lạp)	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-22555-20	Famar Anonymous Industrial Single Member Company Of Pharmaceuticals and Cosmetics	Hy Lạp	977/QĐ-BVKV	Lọ	78.799	700
278	Nhóm 2	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	AIOT201	Aipenxin Ointment	Mupirocin	20mg/1g (10g)	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	880100989524	Tai Guk Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	977/QĐ-BVKV	Tuýp	69.972	120

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
279	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	COXT213	Coxtone	Nabumeton	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	VD-28718-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.330	280.000
280	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Minh Trí	NATT233	Natondix	Nabumeton	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 15 viên	893110163924	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.850	60.000
281	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Minh Trí	NATT235	Natondix	Nabumeton	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 15 viên	VD-29111-18	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	8.850	60.000
282	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	PHAT223	Phabalysisin 600	N-acetylcystein	600mg	Thuốc bột uống	Uống	Hộp 30 gói x 2g	VD-33598-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	4.500	40.000
283	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	MEYT223	Meyerproxen 200	Naproxen	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-31367-18	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	945	90.000
284	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	RETT217	Refresh Tears	Natri carboxymethylcellulose(natri CMC)	75mg/15ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	VN-19386-15	Allergan Sales, LLC	Mỹ	977/QĐ-BVKV	Lọ	64.102	500
285	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	NACT371	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% (w/v); 10ml	Thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 10ml	893100218900	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	1.318	14.000
286	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	NACT379	Natri Clorid 0.9%	Natri clorid	0,9% (kl/tt) (500ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai 500ml	893110114624	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Nanogen Lâm Đồng	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	5.600	260.000
287	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	SOCT235	Sodium Chloride	Natri clorid	0,9% (w/v) (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai 100ml	520110018625	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Greece	977/QĐ-BVKV	Chai	15.000	20.000
288	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NACT367	Natri clorid 0,45%	Natri clorid	0,45g/100ml; 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500ml	893110118623	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	11.130	1.000
289	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NACT369	Natri clorid 3%	Natri clorid	3g/100ml (100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 80 chai x 100ml	893110118723	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	7.032	10.000
290	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	NACT375	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	900mg (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 100ml	893110615324	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	4.390	103.978
291	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	NACT377	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	900mg (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 100ml	VD-32457-19	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	4.390	16.022
292	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	NACT381	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	4500mg/500ml (500ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai 500 ml, thùng 20 chai	VD-35956-22	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	5.600	260.000
293	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	SOCT239	Sodium Chloride	Natri clorid	0,9% (w/v) (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai 100ml	VN-22341-19	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Greece	977/QĐ-BVKV	Chai	15.000	6.000
294	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	NACT385	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	900mg (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi 100ml	893110615324	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	4.390	36.000
295	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TEOT219	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Natri hyaluronat	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-18776-15	SENJU PHARMACEUTICAL CO., LTD. KARATSU PLANT	Nhật	977/QĐ-BVKV	Lọ	56.016	500
296	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	BFST241	BFS-Nabica 8,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	840mg/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 Lọ x 10ml	VD-26123-17	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	19.740	5.000
297	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	NABT223	Natri bicarbonat 1,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	3,5g (250ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Thùng 20 chai 250ml	893110492424	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	32.000	500
298	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	NEMT281	Nefolin 30mg	Nefopam (hydroclorid)	30mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	VN-18368-14	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	5.040	470.000
299	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	NEKT219	Neostigmin Kabi	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	893114038600	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV;G1;N4;2025	Ống	3.462	4.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
300	Nhóm 4	Công ty TNHH BIDIVINA	KEYT209	Keyuni 300	Netilmicin sulfat*	300mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 túi 100ml; Hộp 1 chai 100ml	893110637924	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	chai/túi	142.500	5.000
301	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	NIAT231	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	300110029523	Laboratoire Aguettant	Pháp	977/QĐ-BVKV	Ống	124.994	4.000
302	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	CORT237	Cordaflex	Nifedipin	20mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	VN-23124-22	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	977/QĐ-BVKV	Viên	1.260	400.000
303	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	NURT201	Nuroact	Nimodipin	30mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-34972-21	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.250	10.000
304	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Hồng Danh	NIZT231	Niztahis 300	Nizatidin	300mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110431124	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.780	950.000
305	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	A.NT205	A.T Noradrenaline 1mg/ml	Nor- adrenalin	1mg/ml; 8ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 ống x 8ml	893110361624	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	65.000	2.000
306	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NOMT215	Noradrenalin 4mg/4ml	Nor- adrenalin	4mg/4ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 20 ống x 4 ml	893110107400	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	12.000	6.000
307	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NUCT273	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	500ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Thùng 20 chai x 500ml	893110118823	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	6.452	25.000
308	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NUCT275	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	5ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	893110038000	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	500	300.000
309	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	NUCT279	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	10ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	VD-18797-13	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	684	300.000
310	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	NUOT215	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	(50%) 1,2g/20ml (60ml)	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai 60ml	VD-33500-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	1.764	6.000
311	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SMOT219	Smoflipid 20%	Nhũ dịch lipid	6g + 6g + 5g + 3g (100ml)	Nhũ tương tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 10 chai 100ml	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	977/QĐ-BVKV	Chai	100.000	50
312	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	OCBT201	Octreotide	Octreotid	0,1mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 ống 1ml	VN-19094-15	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)	Italy	977/QĐ-BVKV	Ống	92.222	3.000
313	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Đại An Phú	OFMT221	Ofloxacin 200mg/40ml	Ofloxacin	200 mg (40ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 Túi x 1 Chai x 40ml; Hộp 10 Túi x 1 Chai x 40ml	893115243623	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	132.000	8.000
314	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	OFMT219	Ofloxacin 200mg/100ml	Ofloxacin	200mg/100ml (100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 túi, 10 túi x 1 chai 100ml	VD-35584-22	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	135.488	6.000
315	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	OFMT217	Ofloquino 2mg/ml	Ofloxacin	2mg/ml(100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Hộp 01 túi x 100ml; Hộp 20 túi x 100ml	840115010223	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Spain	977/QĐ-BVKV	Túi	156.640	6.000
316	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	MEMT319	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazol	40mg	Viên nang cứng chứa pallet kháng acid dịch vị	Uống	Hộp 1 lọ x 28 viên	VN-22239-19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	5.600	80.000
317	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	OMST201	Omeprazole Stada 40mg	Omeprazol	40mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vi x 7 viên, Hộp 1 vi, 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	VD-29981-18	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.590	120.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
318	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	OXIT203	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin	10IU/ml	Dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 10 ống 1ml	400114074223	Panpharma GmbH	Germany	977/QĐ-BVKV	Ống	11.000	30.000
319	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	PAMT227	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	10mg/1ml (100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	Thùng 48 túi 100ml	893110055900	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Túi	8.350	10.000
320	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm & Thiết Bị Y Tế Phúc Lộc	PAET213	Partamol 650 eff.	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Hộp 4 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 4 viên; Hộp 1 tuýp x 10 viên	893100420623	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.150	200.000
321	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BIRT217	Biragan 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Thuốc đạn	Đặt	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-21236-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.680	1.000
322	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	EFFT245	Efferalgan	Paracetamol (acetaminophen)	300mg	Thuốc đạn	Đặt	Hộp 2 vỉ x 5 viên	300100011424	UPSA SAS	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	2.747	150
323	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần AZENCA	EFST201	Efsolphab	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 15mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Hộp 2 vỉ x 4 viên; Hộp 5 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 4 viên; Hộp 1 tuýp 5 viên; Hộp 1 tuýp 10 viên; Hộp 1 tuýp 15 viên; Hộp 1 tuýp 20 viên	893111241623	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.500	300.000
324	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	EFCT215	Efferalgan Codeine	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Hộp 10 vỉ x 4 viên	VN-20953-18	UPSA SAS	Pháp	977/QĐ-BVKV	Viên	3.529	200.000
325	Nhóm 2	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	SAVT285	SaViMetoc	Paracetamol + methocarbamol	325mg + 400mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110371523	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.046	800.000
326	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	NAKT203	Nakibu	Paracetamol + methocarbamol	300mg + 380mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-34233-20	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.994	250.000
327	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm BMC	MYFT205	Mypara Flu daytime	Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan	650mg + 10mg + 20mg	Viên sủi	Uống	Hộp 4 vỉ x 4 viên	VD-21969-14	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.045	300.000
328	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Vật Tư Y Tế Dược Việt	DOPT209	Doltuxil - Plus	Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan	500mg + 5mg + 10mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110102200	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.440	400.000
329	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm An Nhân	HUFT201	Huygesic Fort	Paracetamol + tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 2 vỉ x 10 viên	893111277200	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.800	400.000
330	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	SAVT287	SaViDopril 8	Perindopril	8mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24274-16	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.450	400.000
331	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COMT435	Coveram 10mg/5mg	Perindopril + amlodipin	10mg + 5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN-18633-15	Servier Ireland Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	10.123	10.000
332	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COMT437	Coveram 5mg/5mg	Perindopril + amlodipin	5mg + 5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN-18635-15	Servier Ireland Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	6.589	49.973
333	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VIAT227	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Perindopril + amlodipin	3,5mg + 2,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-46-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	5.960	40.000
334	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VIMT245	Viacoram 7mg/5mg	Perindopril + amlodipin	4,756 mg + 5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	VN3-47-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	977/QĐ-BVKV	Viên	6.589	30.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
335	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt	VTMT203	VT-Amlopril 8mg/5mg	Perindopril + amlodipin	8mg + 5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23070-22	USV Private Limited	India	977/QĐ-BVKV	Viên	6.000	100.000
336	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tây Giang	VTMT205	VT-Amlopril 4mg/10mg	Perindopril + amlodipin	4mg + 10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22964-21	USV Private Limited	India	977/QĐ-BVKV	Viên	4.941	300.000
337	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	COPT245	Coversyl Plus Arginine 5mg/1.25mg	Perindopril + indapamid	5mg + 1.25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-18353-14	Les Laboratoires Servier Industrie	France	977/QĐ-BVKV	Viên	6.500	50.000
338	Nhóm 3	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	LIFT211	Lifecita 400	Piracetam	400mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110075824	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.200	300.000
339	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Sun Rise	KAZT201	Kazelaxat	Polystyren	15g	Thuốc bột uống	Uống	Hộp 20 gói x 15g	893110616124	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	41.188	5.000
340	Nhóm 4	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM	POIT217	Povidon iodin 10%	Povidon iodin	10%; 500ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai 500ml	893100900624	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	43.000	800
341	Nhóm 5	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy	PAIT241	Pampara Injection	Pralidoxim	500mg (20ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 ống tiêm 20ml	471110776924	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd	Taiwan	977/QĐ-BVKV	Ống	80.000	100
342	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	MART215	Mariprax	Pramipexol	0,35mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23195-22	Pharmathen S.A	Hy Lạp	977/QĐ-BVKV	Viên	12.600	20.000
343	Nhóm 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Nhất Anh	OPPT203	Oprymea Prolonged-release tablet	Pramipexol	0,52mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23173-22	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	24.000	7.980
344	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	MART217	Mariprax	Pramipexol	0,35mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23195-22	Pharmathen S.A	Hy Lạp	977/QĐ-BVKV	Viên	12.600	6.000
345	Nhóm 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Nhất Anh	OPRT203	Oprymea 0.52 mg	Pramipexol	0,52mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23173-22	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	24.000	6.000
346	Nhóm 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Nhất Anh	OPRT201	Oprymea 0.52 mg	Pramipexol	0,52mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23173-22	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV(TT)	Viên	24.000	12.020
347	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	PRST233	PRAVASTATIN SAVI 40	Pravastatin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110317624	Công ty cổ phần Dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	6.683	208.000
348	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	FAST231	Fasthan 20	Pravastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-28021-17	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.502	120.000
349	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	PRST231	Pravastatin Savi 10	Pravastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110317524	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.168	120.000
350	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần GONSA	PRET247	Prega 100	Pregabalin	100mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110014124	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	8.390	400.000
351	Nhóm 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XXK H.P Cát	PRMT233	Pregabakern 100 mg	Pregabalin	100mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 6 vỉ x 14 viên	VN-22828-21	Kern Pharma S.L.	Spain	977/QĐ-BVKV	Viên	17.600	60.000
352	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	FRET219	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	1% (10mg/ml)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 5 ống 20ml	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	977/QĐ-BVKV	Ống	25.387	5.000
353	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	CART235	Cardio-BFS	Propranolol (hydroclorid)	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ x 1ml	893110288800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HẢ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	25.000	20
354	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	OTIT229	Otipax	Phenazon + lidocain(hydroclorid)	4g/100g (4%) + 1g/100g (1%)	Dung dịch nhỏ tai	Nhỏ tai	Hộp 1 lọ 15ml (chứa 16g dung dịch nhỏ tai) kèm ống nhỏ giọt	VN-18468-14	Biocodex	Pháp	977/QĐ-BVKV	Lọ	54.000	200
355	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Danapha	PHMT225	Phenytoin 100 mg	Phenytoin	100 mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 100 viên	VD-23443-15	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	305	100.000
356	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Minh Tín	MITT213	Mitiquapril	Quinapril	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110237223	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.246	80.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
357	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	HIMT217	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg	Thuốc bột uống	Uống	Hộp 16 gói	300110000524	SOPHARTEX	France	977/QĐ-BVKV	Gói	4.894	10.000
358	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	HIMT219	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril	30mg	Thuốc bột uống	Uống	Hộp 30 gói	300110000624	SOPHARTEX	France	977/QĐ-BVKV	Gói	5.354	25.000
359	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm SAGORA	RAMT229	Ramifix 2,5	Ramipril	2,5 mg	Viên	Uống	Hộp 03 vi x 10 viên	893110678124	Công ty cổ phần Dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.469	200.000
360	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Phát	RETT219	Repaglinide Tablets 2 mg	Repaglinid	2mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-23165-22	USV Private Limited	Ấn Độ	977/QĐ-BVKV	Viên	5.775	180.000
361	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	LART241	Lactated Ringer's	Ringer lactat	3g + 0,15g + 0,1g + 1,55g (500ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai 500ml, Thùng 20 chai	VD-35955-22	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	6.500	30.000
362	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại và Dược Phẩm Sang	RIVT203	Rivacryst	Rivaroxaban	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 14 viên	858110959324	Saneca Pharmaceuticals A.S	Slovakia	977/QĐ-BVKV	Viên	19.900	6.812
363	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại và Dược Phẩm Sang	RIVT201	Rivacryst	Rivaroxaban	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 14 viên	858110959324	Saneca Pharmaceuticals A.S	Slovakia	977/QĐ-BVKV	Viên	21.800	13.188
364	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại và Dược Phẩm Sang	RIVT205	Rivacryst	Rivaroxaban	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vi x 14 viên	858110959324	Saneca Pharmaceuticals A.S	Slovakia	977/QĐ-BVKV	Viên	21.800	6.000
365	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ROKT211	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium bromid	10mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	VN-22745-21	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	977/QĐ-BVKV	Lọ	56.500	1.100
366	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ROKT213	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium bromid	10mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	VN-22745-21	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	977/QĐ-BVKV	Lọ	56.500	330
367	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	RUPT209	Rupafin	Rupatadine	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vi x 10 viên	840110076423	Noucor Health, S.A.	Spain	977/QĐ-BVKV	Viên	120.000	1.000
368	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	RUPT205	Rupafin	Rupatadine	1mg/ml (120ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp/ 1 chai 120ml	840110447523	Italfarmaco, S.A.	Spain	977/QĐ-BVKV	Chai	6.500	60.000
369	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Trang Thiết Bị Y Tế Nhân Trung	RUST201	Rupatadine STELLA 10 mg	Rupatadine	10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110462823	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	5.794	80.000
370	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội	NORT225	Normagut	Saccharomyces boulardii	2,5x10 <sup>9</sup> tế bào/250mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	QLSP-823-14	ARDEYPHARM GMBH	Germany	977/QĐ-BVKV	Viên	6.500	80.000
371	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	ATTT269	Atisalbu	Salbutamol (sulfat)	0,4 mg/ml (0,04% kl/t)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 5ml	893115277823	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.864	80.000
372	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	ZENT279	Zencombi	Salbutamol + ipratropium	2,5mg + 0,5mg (2,5ml)	Dung dịch dùng cho khí dung	Khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	893115592124	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lọ	12.600	10.000
373	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Trang Thiết Bị Y Tế Nhân Trung	ASOT209	Asosalic	Salicylic acid + betamethason dipropionat	3% + 0,05% (kl/kl)	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp x 30g	531110404223	Replek Farm Ltd. Skopje	Germany	977/QĐ-BVKV	Tuýp	94.952	1.000
374	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm & Mỹ Phẩm Mỹ Trung	HEMT231	Hemafolic	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +acid folic	(50mg + 0,5mg)/5ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 18 ống x 5 ml	VD-25593-16	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	4.200	80.000
375	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược-Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	PROT327	Prodertonic	Sắt fumarat + acid folic	182mg + 0,5mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893100627224	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	735	80.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
376	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	VIGT259	Vigahom	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Mỗi ống 10ml dung dịch chứa: Sắt gluconat dihydrat 431,68mg tương đương Sắt 50mg; Mangan gluconat dihydrat 11,65mg tương đương Mangan 1,33mg; Đồng gluconat 5mg tương đương Đồng 0,7mg	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống x 10ml	893100207824	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	3.780	120.000
377	Nhóm 4	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	HEMT235	Hemafort	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	4,2mg + 7,98mg + 300mg (60ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 1 chai 60ml	VD-26987-17	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	38.000	8.000
378	Nhóm 4	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Ngọc Khánh	ATIT275	Atiferole	Sắt protein succinylat	53,3mg (30ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 1 chai 30ml	VD-34133-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	36.967	8.000
379	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo	ZOLT231	Zoloman 100	Sertralin	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110028100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.762	30.000
380	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA	SEAT209	Seoafura	Sevofluran	250ml	Thuốc gây mê đường hô hấp	Đường hô hấp	Hộp 1 chai 250ml	VN-17775-14	Piramal Critical Care, Inc	USA	977/QĐ-BVKV	Chai	1.538.250	200
381	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	SILT215	Silygamma	Silymarin	150mg	Viên bao đường	Uống	Hộp 4 vi x 25 viên	VN-16542-13	Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	4.133	200.000
382	Nhóm 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Minh Trí	TOMT239	Tominfast	Simvastatin	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-21877-19	ExtractumPharma Co.,Ltd	Hungary	977/QĐ-BVKV	Viên	9.339	180.000
383	Nhóm 1	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	VAMT243	Vasitumb 10mg/20mg Tablets	Simvastatin + ezetimibe	20mg + 10mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	383110008723	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	14.500	60.000
384	Nhóm 1	Công Ty TNHH Dược Và Vật Tư Y Tế Kiên Đan	SAMT253	Saprax 5mg	Solifenacin succinate	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	529110011123	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	977/QĐ-BVKV	Viên	12.000	20.000
385	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	SORT255	Sorbitol 3,3%	Sorbitol	16,5g (500ml)	Dung dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật	Dung dịch rửa	Thùng 20 chai nhựa 500ml	893110039723	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	14.490	1.200
386	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm-Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	SOGT217	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	Hộp 20 gói 5g	VD-25582-16	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	2.622	80.000
387	Nhóm 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	ENTT243	Entacron 50	Spironolacton	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110541924	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.298	60.000
388	Nhóm 5	Công ty TNHH Dược Thông Nhất	CYTT201	Cytoflavin	Succinic acid + nicotinamid + inosine + riboflavin natri phosphat	1g + 0,1g + 0,2g + 0,02g/10ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 vi x 5 ống 10ml	VN-22033-19	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Singapore	977/QĐ-BVKV	Ống	129.000	8.000
389	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	SPMT219	SPM-Sucralfat 2000	Sucralfat	2000mg	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 15g; Hộp 30 gói x 15g	893100278400	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	4.290	167.880
390	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuận Phong	SPMT221	SPM-Sucralfat 2000	Sucralfat	2000mg	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 15g; Hộp 30 gói x 15g	VD-30103-18	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	4.290	72.120
391	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SUGT211	Sugablock	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ 2ml	383110188700	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Lo	1.632.906	150
392	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	MEYT225	Meyer-Salazin 500	Sulfasalazin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110556524	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.402	170.000
393	Nhóm 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Nguyễn Anh Khoa	MEYT227	Meyer-Salazin 500	Sulfasalazin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-33834-19	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	3.402	30.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
394	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội	FLOT205	Floesty	Tamsulosin hydroclorid	0,4 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	840110031023	Synthon Hispania, SL	Spain	977/QĐ-BVKV	Viên	12.000	60.000
395	Nhóm 1	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	TOMT241	Tolucombi 80mg/25mg Tablets	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 25mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vi x 7 viên	VN-22070-19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	15.415	100.000
396	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	SUNT241	Sunigam 300	Tiaprofenic acid	300mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110156224	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	9.740	210.000
397	Nhóm 4	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	SUNT243	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110885724	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.900	160.010
398	Nhóm 4	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	SUNT245	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-28968-18	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	4.900	39.990
399	Nhóm 4	Công ty TNHH Thương Mại Trang Thiết Bị Y Tế Nhân Trung	JAVT201	Javelin 200	Tiaprofenic acid	200mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	893110132423	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.900	60.000
400	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	ATMT211	Atixarso 90mg film coated tablets	Ticagrelor	90mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vi x 14 viên	383110002125	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	14.500	30.000
401	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	TICT243	Ticarlinat 3,2 g	Ticarcillin + acid clavulanic	3g + 0,2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ x 3,2g (lọ thủy tinh)	893110155824	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lo	155.900	28.000
402	Nhóm 2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	TICT239	Ticarlinat 1,6 g	Ticarcillin + kali clavulanat	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ x 1,6g (lọ thủy tinh)	893110155724	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lo	104.500	18.000
403	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	TIMT247	Timolol 0,5%	Timolol	0,5% (kl/tt); 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 01 lọ	893110368323	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Lo	26.415	300
404	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Anh	EYET217	Eyetobrin 0,3%	Tobramycin	3mg; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	520110782024	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Greece	977/QĐ-BVKV	Lo	34.650	1.200
405	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tre Xanh	DIRT205	Diropam	Tofisopam	50mg	Viên nén	Uống	Hộp 2 vi x 10 viên	VD-34626-20	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	7.700	40.000
406	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm MEDA	DEGT203	Deruthricin gel	Tyrothricin	0,1%	Gel bôi da	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 5 g	VD-35390-21	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Tuýp	37.695	600
407	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	DORT215	Dorithricin	Tyrothricin + benzocain+ benzalkonium	0,5mg + 1,5mg + 1mg	Viên ngâm họng	Ngâm	Hộp 2 vi x 10 viên	400100014224	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Germany	977/QĐ-BVKV	Viên	2.880	30.000
408	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	THMT215	Thyrozol 10mg	Thiamazol	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	400110190423	Merck Healthcare KGaA	Germany	977/QĐ-BVKV	Viên	2.241	20.000
409	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	THMT213	Thyrozol 5mg (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co.OG; địa chỉ: Hösslgasse 20	Thiamazol	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-21907-19	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co.OG	Đức	977/QĐ-BVKV	Viên	1.400	35.000
410	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	ACTT231	Acid tranexamic 500mg	Tranexamic acid	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110666824	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	947	20.000
411	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Thái Nhân	TRAT259	Travoprost/Pharmathen	Travoprost	40mcg/ml; 2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 2,5ml	VN-23190-22	Balkanpharma - Razgrad AD	BULGARIA	977/QĐ-BVKV	Lo	241.000	200
412	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm BMC	A.CT209	A.T Calci sac	Tricalcium phosphat	604mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 3g	893100414424	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.150	68.660
413	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm BMC	A.CT211	A.T Calci sac	Tricalcium phosphat	604mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 3g	VD-24725-16	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.150	11.340

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
414	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm BMC	A.CT213	A.T Calci sac	Tricalcium phosphat	604mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 3g	893100414424	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Gói	3.150	24.000
415	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	TRIT261	Tributel	Trimebutin maleat	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22324-15	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.498	150.000
416	Nhóm 1	Công ty TNHH Hạnh Nhật	TRGT203	Trimebutine Gerda 200mg	Trimebutin maleat	200mg	Viên nén không bao	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên	300110182523	Laboratoires BTT	France	977/QĐ-BVKV	Viên	5.880	30.000
417	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Trang Thiết Bị Y Tế Nhân Trung	MEXT203	Mextropol	Trimebutin maleat	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	590110776324	POLFARMEX S.A	Poland	977/QĐ-BVKV	Viên	2.800	100.000
418	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	SOVT205	Sodium Valproate Aguettant 400mg/4ml	Valproat natri	400mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống x 4ml	VN-22163-19	Laboratoire Aguettant	Pháp	977/QĐ-BVKV	Ống	86.000	100
419	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Thuần Phong	VAPT211	Valsarfast Plus 160mg/25mg Film-Coated Tablets	Valsartan + hydrochlorothiazid	160mg + 25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	383110424023	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	977/QĐ-BVKV	Viên	15.000	80.000
420	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Hóa Dược An Môn	VOXT233	Voxin	Vancomycin*	1g	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ	520115991224	Vianex S.A-Plant C'	Hy Lạp	977/QĐ-BVKV	Lọ	89.122	10.000
421	Nhóm 2	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm An Phát	VEGT207	Vecmid 1gm	Vancomycin*	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	VN-22662-20	Swiss Parenterals Ltd	India	977/QĐ-BVKV	Lọ	74.898	4.000
422	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trẻ Xanh	VIKT223	Vikonon	Venlafaxin	42,43mg (37,5mg)	Viên nang giải phóng kéo dài	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	520110122524	Pharmathen SA	Greece	977/QĐ-BVKV	Viên	8.934	10.000
423	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ RITA Phạm	COMT441	Cordamil 40 mg	Verapamil (hydroclorid)	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23264-22	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	977/QĐ-BVKV	Viên	4.000	200.000
424	Nhóm 1	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ RITA Phạm	COMT439	Cordamil 80 mg	Verapamil (hydroclorid)	80mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-23265-22	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	977/QĐ-BVKV	Viên	6.000	80.000
425	Nhóm 3	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Trường Khang	GAMT223	Galza - Met 50/850 Tablets	Vildagliptin + metformin	50mg + 850mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 7 viên	893110088200	CSSX: CCL Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd; CSDG cấp 2: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Am Vi	Pakistan	977/QĐ-BVKV	Viên	6.300	300.000
426	Nhóm 4	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	JUBT201	Juk 3b	Vitamin B1 + B6 + B12	500mcg + 200mg + 110mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 4 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, chai 200 viên, chai 500 viên	893110343200	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.000	240.000
427	Nhóm 4	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Và Dược Phẩm Khánh Khang	SETT201	Setblood	Vitamin B1 + B6 + B12	115mg + 50mcg + 100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên (nhóm - PVC); Hộp 10 vỉ x 10 viên (nhóm - nhôm)	893110335924	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.056	240.000
428	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Anh Khoa	VIBT239	Vitamin 3B	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 125mcg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35073-21	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.177	400.000
429	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	VIBT241	Vitamin B12	Vitamin B12	1000µg (mcg)	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 100 ống 1ml	893110606424	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ống	510	1.000
430	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm BOSTON Việt Nam	MAVT203	Magnesium/ Vitamin B6	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	5mg + 470mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893100059125	Công ty cổ phần dược phẩm BosTon Việt Nam	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	672	80.000
431	Nhóm 4	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	DEBT219	Debomin	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	10mg + 940mg	Viên nén sủi	Uống	Hộp 1 tuýp 10 viên	893110071600	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	2.584	140.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
432	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm ATIPHARM	A.AT235	A.T Ascorbic syrup	Vitamin C	20 mg/ml (2% kl/t) (90ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 1 chai x 90 ml	893100275023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	33.800	10.000
433	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Thương Mai Dược Phẩm PVN	SUNT247	Suncevit	Vitamin C	100mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 30 ống x 5ml	VD-35611-22	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Ông	2.180	40.000
434	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược Phẩm ATIPHARM	A.AT235	A.T Ascorbic syrup	Vitamin C	20 mg/ml (2% kl/t) (90ml)	Dung dịch uống	Uống	Hộp 1 chai x 90 ml	893100275023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Chai	33.800	10.000
435	Nhóm 2	Công ty TNHH Thương Mai Dược Phẩm ZEN	SACT219	Savi C 500	Vitamin C	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 túi nhôm x 5 vi x 10 viên	VD-23653-15	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	977/QĐ-BVKV	Viên	1.062	120.000
<b>Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán mua sắm bổ sung thuốc năm 2024-2025 (1381/QĐ-BVKV 9/9/2025)</b>																
1	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	FLET217	Flexbumin 20%	Albumin	10g/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 túi nhựa Galaxy x 50ml	QLSP-0750-13	Baxalta US Inc	Hoa Kỳ	1381/QĐ-BVKV	Túi	675.000	100
2	Nhóm 5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hiệp Bách Niên	PROT333	ProAlb	Albumin	20% (w/v)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml	QLSP-0796-14	Reliance Life Science Pvt. Ltd.	Ấn Độ	1381/QĐ-BVKV	Chai	695.000	405
3	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	TUNT219	Tunadimet	Clopidogrel	75 mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893110288623	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	1381/QĐ-BVKV	Viên	275	1.800.000
4	Nhóm 5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	WOST201	Wosulin 30/70	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 ống x 3ml	VN-13913-11	Wockhardt Limited	Ấn Độ	1381/QĐ-BVKV	Ông	80.000	13.330
<b>Gói thầu thuốc Generic thuộc KHLCNT cung cấp thuốc MSTT cấp địa phương năm 2025 - 2026 Đợt 2 (2160/QĐ-BVNDGD 01/4/2025)</b>																
1	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	HUAT211	Human Albumin Baxter 200 g/l[N1]	Albumin	10g/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml	QLSP-1130-18	Cơ sở sản xuất: Takeda Manufacturing Italia S.p.A Cơ sở dân nhân, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Takeda Manufacturing Austria AG	Ý	2160/QĐ-BVNDGD	Chai	675.000	3.750
2	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	HUAT213	Human Albumin Baxter 200 g/l[N2]	Albumin	10g/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml	QLSP-1130-18	Cơ sở sản xuất: Takeda Manufacturing Italia S.p.A Cơ sở dân nhân, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Takeda Manufacturing Austria AG	Ý	2160/QĐ-BVNDGD	Chai	675.000	3.150
<b>Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán mua sắm thuốc bổ sung năm 2024-2025 (1708/QĐ-BVKV 18/11/2025)</b>																
1	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	ASPT265	Aspirin 81	Acetylsalicylic acid	81mg	Viên nén bao tan trong ruột	Uống	Hộp 20 vi x 10 viên	893110257523	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	65	500.000
2	Nhóm 1	Công Ty TNHH Dược Và Vật Tư Y Tế Kiên Đan	ADET203	Adenorythm	Adenosin	3mg/ml (2ml)	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 6 lọ x 2ml	VN-22115-19	Vianex S.A.- Plant A	Greece	1708/QĐ-BVKV	Lọ	849.955	50
3	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	BIST233	Bismogi	Bismuth	120mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	893110055625	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	2.950	15.000
4	Nhóm 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	ZEIT201	Zenonid 200 inhaler	Budesonid	200mcg/liều	Thuốc phun mù định liều	Đường hô hấp	Hộp 1 bình chứa 200 liều	VD-35811-22	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Bình	160.000	50

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
5	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	DURT233	Duratocin	Carbetocin	100 mcg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	Hộp 5 lọ x 1ml	VN-19945-16	CSSX: Ferring GmbH; CSDG: Ferring International Center SA	Đức/Thụy Sĩ	1708/QĐ-BVKV	Lọ	281.434	300
6	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	COLT237	Colchicin	Colchicin	1mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893115483724	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	488	20.000
7	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GLIT209	Gliatilin	Choline alfoscerat	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 ống 4ml	VN-13244-11	Italfarmaco S.P.A	Italy	1708/QĐ-BVKV	Ống	69.300	300
8	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	GLUT363	Glucose 5%	Glucose	5g/100ml (100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	VD-28252-17	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Chai	6.858	12.000
9	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT393	Vinphason	Hydrocortison	100mg (2ml)	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Hộp 10 lọ x 10 ống dung môi 2ml	893110219823	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Lọ	7.000	5.000
10	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	SYST233	Syseye	Hydroxypropyl methylcellulose	0,3% (w/v)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 15ml	893100182624	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Lọ	32.800	1.500
11	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	ULBT201	Ultibro Breezhaler	Indacaterol+ glycopyrronium	(110mcg; 50mcg)/viên	Bột hít chứa trong nang cứng	Dạng hít	Hộp 3 vỉ x 10 viên kèm 1 dụng cụ hít	VN-23242-22	Siegfried Barbera, S.L.	Spain	1708/QĐ-BVKV	Hộp	699.208	100
12	Nhóm 5	Công ty TNHH Dược Phẩm TPVN	WOST203	Wosulin 30/70	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml (3ml)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 ống 3ml	VN-13913-11	Wockhardt Limited	India	1708/QĐ-BVKV	Ống	80.000	5.200
13	Nhóm 2	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Tp.Hồ Chí Minh (YTECO)	CALT215	Carbidopa Levodopa 25/250mg Tablets	Levodopa + carbidopa	250mg; 25mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	890110012323	Evertogen Life Sciences Limited	India	1708/QĐ-BVKV	Viên	5.473	50.000
14	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	BERT233	Berlthyrox 100	Levothyroxin (muối natri)	0,1mg	Viên nén	Uống	Hộp 4 vỉ x 25 viên	400110179525	Berlin Chemie AG	Germany	1708/QĐ-BVKV	Viên	720	10.000
15	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm VCP	LIDT257	Lidogel 2%	Lidocain (hydroclorid)	2% (kl/kl)	Gel bôi niêm mạc	Đùng ngoài	Hộp 1 tuýp x 10g	VD-32933-19	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Tuýp	40.000	100
16	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm AGIMEXPHARM	IDOT203	Idomagi	Linezolid*	600mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110588724	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	9.050	300
17	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần GONSA	MANT227	Mannitol	Manitol	20g/100ml (250ml)	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Thùng 30 Chai x 250ml	VD-23168-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Chai	19.805	700
18	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược Danapha	MODT203	Montelukast 4 Danapha	Natri montelukast	4mg	Viên nhai	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110728324	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	639	1.000
19	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Danapha	PHMT227	Phenytoin 100 mg	Phenytoin	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 lọ x 100 viên	VD-23443-15	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	709	100.000
20	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VIMT249	Vinphyton 10mg	Phytomenadion (vitamin K1)	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	893110078124	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Ống	1.757	1.000
21	Nhóm 4	Công Ty TNHH Dược Phẩm Gia Nguyễn	RIFT201	Rivaroxaban-5A Farma 15mg	Rivaroxaban	15mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 7 viên; Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110370024	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	2.231	8.000
22	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT399	Vinsalmol	Salbutamol (sulfat)	2,5mg/2,5ml (2,5ml)	Dung dịch khí dung	Đường hô hấp	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2,5ml	893115305523	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Ống	4.415	8.000
23	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT395	Vinsalmol	Salbutamol (sulfat)	2,5mg/2,5ml (2,5ml)	Dung dịch khí dung	Đường hô hấp	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2,5ml	893115305523	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Ống	4.415	2.000
24	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	VINT397	Vinsalmol 5	Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml (2,5ml)	Dung dịch khí dung	Đường hô hấp	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2,5ml	893115305623	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Ống	8.400	21.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dực	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
25	Nhóm 4	Công ty TNHH Đầu Tư Nhập Khẩu Dược Đông Nam Á	PROT335	Prodertonic	Sắt fumarat + acid folic	182mg; 0,5mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	893100627224	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	312	10.000
26	Nhóm 1	Công ty TNHH Bình Việt Đức	FYRT201	Fyranco	Teicoplanin*	400mg	Thuốc bột đông khô và dung môi để pha tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm	Hộp 1 lọ và 1 ống dung mỗi 3ml	520115022323	Demo S.A Pharmaceutical Industry	Greece	1708/QĐ-BVKV	Lọ	425.000	200
27	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	TETT231	Tetracyclin	Tetracyclin (hydroclorid)	500mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 50 vi x 10 viên	893110596124	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	717	15.000
28	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	SPRT213	Spiolto Respimat	Tiotropium; Olodaterol	Tiotropium (dưới dạng tiotropium bromide monohydrate) 2,5mcg; Olodaterol (dưới dạng olodaterol hydrochloride) 2,5mcg	Dung dịch để hít	Dạng hít	Hộp 1 ống thuốc 4 ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt	400110195623	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Germany	1708/QĐ-BVKV	Hộp	800.100	100
29	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED	TOBT261	Tobradex	Tobramycin + dexamethason	3mg; 1mg (5ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-20587-17	Novartis Manufacturing NV	Belgium	1708/QĐ-BVKV	Lọ	47.300	500
30	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	TRIT263	Trihexyphenidyl	Trihexyphenidyl (hydroclorid)	2mg	Viên nén	Uống	Chai 500 viên	893110539224	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	139	100.000
31	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	VIPT227	Vitamin PP	Vitamin PP	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Chai 200 viên	893110438324	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	1708/QĐ-BVKV	Viên	158	103.500
<b>Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2024-2025 (lần 9) 1554/QĐ-BVKV (20/10/2025)</b>																
1	Nhóm 3	Công ty TNHH Kenko Pharma	HEMT237	Hepaforter MKP	Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực	80mg; 16,7mg; 15,4mg; 16,7mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 chai 80 viên	VD-32687-19	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	1.730	<b>87.250</b>
2	Nhóm 3	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn TM-ĐT-XNK H.P Cát	HOHT229	Hoạt huyết dưỡng não	Đinh lăng, Bạch quả	105mg; 10mg	Viên bao đường	Uống	Hộp 5 vi x 20 viên	VD-24472-16	Công ty Cổ phần thương mại Dược Vật tư y tế Khải Hà	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	170	<b>150.000</b>
3	Nhóm 3	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Y Đông	THKT217	Thấp Khớp Nam Dược	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi	1 g, 1 g, 1 g, 1,5 g, 1 g, 1 g, 1 g, 1 g, 0,5 g	Viên nang cứng	Uống	Hộp 4 vi x 10 viên	VD-34490-20	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	2.050	<b>131.500</b>
4	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (BIDIPHAR)	BOHT217	Bổ huyết ích não BDF	Đương quy, Bạch quả	300mg; 40mg	Viên nang mềm	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-27258-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	1.503	<b>67.500</b>
5	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần GONSA	KHMT241	Khang minh thanh huyết	Kim ngân hoa, Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	300mg; 300mg; 150mg; 200mg; 150mg; 300mg; 50mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 2 túi x 5 vi x 10 viên	VD-22168-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	1.972	<b>12.300</b>
6	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Vĩnh Long	KITT227	Kim tiền thảo	Kim tiền thảo, Râu ngô	120 mg; 35 mg	Viên bao đường	Uống	Hộp 1 lọ 100 viên	VD-23886-15	Công ty Cổ phần thương mại Dược Vật tư y tế Khải Hà	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	233	<b>161.500</b>
7	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Y.A.C	PHTT217	Phong tê thấp HD New	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	70mg; 40mg; 92mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-27694-17	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	1554/QĐ-BVKV	Viên	1.444	<b>175.000</b>
<b>Vaccin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 (161/QĐ-BVKV 03/03/2025)</b>																
1	Nhóm 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ADPT201	Adacel (Phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván)	Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào; Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	0,5ml/liều	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều; Hộp 5 lọ x 1 liều	QLVX-1077-17	Sanofi Pasteur Limited	Canada	161/QĐ-BVKV	Lọ	551.250	120

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dực	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
2	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	PRET245	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid ph	2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 4,4mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg; 2,2mcg ; 32mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml thuốc kèm 1 kim tiêm riêng biệt	QLVX-H03-1142-19	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	161/QĐ-BVKV	Bơm tiêm	1.077.300	240
3	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	QDPT201	Qdenga (Phòng bệnh; Sốt xuất huyết)	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (s	3,3 log 10 PFU; 2,7 log 10 PFU; 4,0 log 10 PFU; 4,5 log 10 PFU	Bột pha tiêm	Tiêm	Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xylanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm	400310303924	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: IDT Biologika GmbH ; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: Catalent Belgium S.A.	Bỉ	161/QĐ-BVKV	Liều	960.336	60
4	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	DUPT231	Dung dịch pha 0.5ml 10'S ((Dung môi kèm theo vaccin M-M-R II (Phòng bệnh: Sởi, Quai bị, Rubella)	Nước cất pha tiêm	0,5ml	Dung Dịch Pha	Tiêm	hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	QLVX-878-15	Jubilant HollisterStier general Parnership	Mỹ	161/QĐ-BVKV	Lọ	-	120
5	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	BEXT201	Bexsero	Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm	50mcg; 50mcg; 50mcg; 25mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	800310090123	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	161/QĐ-BVKV	Hộp	1.529.926	30
6	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	MMIT207	M-M-R II (Phòng bệnh: Sởi, Quai bị, Rubella)	Virus sởi; Virus quai bị; virus rubella	0,5ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ vắc xin đơn liều kèm hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	QLVX-878-15	CSSX: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG cấp 2 & XX: Merck Sharp & Dohme B.V.; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC.	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	161/QĐ-BVKV	Lọ	217.256	120
<b>Vaccin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 (bổ sung lần 1) (266/QĐ-BVKV 17/03/2025)</b>																
1	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT	INTT213	Influvac Tetra	A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197); B/Washington/02/2019-like strain (B/Washing	15 mcg HA/chủng/ 0,5ml/liều	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch	870310304024	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	266/QĐ-BVKV	Bơm tiêm	264.000	900
2	Nhóm 4	CTY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC XIN THUẬN ĐỨC	VAXT241	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT) (Phòng bệnh: uốn ván)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	$\geq 40$ IU/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 01 liều vắc xin)	QLVX-881-15	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	266/QĐ-BVKV	Ống	16.262	900

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
3	Nhóm 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	QDPT203	Qdenga (Phòng bệnh: Sốt xuất huyết)	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (s)	3,3 log 10 PFU; 2,7 log 10 PFU; 4,0 log 10 PFU; 4,5 log 10 PFU	Bột pha tiêm	Tiêm	Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xylanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm	400310303924	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: IDT Biologika GmbH ; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH; Cơ sở sản xuất dung môi đang ồng tiêm đóng sẵn: Catalent Belgium S.A.	Bi	266/QĐ-BVKV	Liều	960.336	500
4	Nhóm 5	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ AMVGROUP	ABPT203	Abhayrab (Phòng bệnh: dại)	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 ống dung môi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ống) và 10 xy lanh vô trùng	QLVX-0805-14	Human Biologicals Institute	Ấn Độ	266/QĐ-BVKV	Lo	183.750	300
5	Nhóm 5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	VEVT205	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt) , điều chế trên canh cây tế bào (Phòng bệnh: Dại)	Virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU	3,25 IU/ 0,5ml/ liều	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Tiêm	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%; Hộp 10 lọ, mỗi lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%	300310305824	Sanofi Pasteur	Pháp	266/QĐ-BVKV	Lo	267.033	300
6	Nhóm 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	IMPT203	Imojev (Phòng bệnh: Viêm não Nhật Bản)	Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	4,0 - 5,8 log PFU	Bột đông khô	Tiêm	Hộp 01 lọ 01 liều vắc xin bột đông khô và 01 lọ 01 liều dung môi dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn (0,5ml) kèm 01 bơm tiêm và 02 kim tiêm	885310306024	Global Biotech Products Co. Ltd	Thái Lan	266/QĐ-BVKV	Lo	632.016	30
<b>Gói thầu mua sắm Vắc xin 2025 (Lần 2) (1626/QĐ-BVKV 03/11/2025)</b>																
1	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phúc Thiện	VAXT249	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT) (Phòng bệnh: uốn ván)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	$\geq 40$ IU/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 01 liều vắc xin)	QLVX-881-15	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	1626/QĐ-BVKV	Ống	16.262	1.870
2	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	TWPT209	Twinrix (Phòng bệnh: viêm gan A, viêm gan B)	Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units + 20mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều vắc xin (1ml) và 1 kim tiêm	400310177900	GlaxoSmithKline Biologicals (CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA)	Bỉ	1626/QĐ-BVKV	Hộp	510.922	110
3	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phúc Thiện	HUTT319	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	893410250823	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	1626/QĐ-BVKV	Ống	34.852	4.300

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
4	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PRPT205	Prevenar 20 (Phòng bệnh: phòng bệnh xâm lấn và bệnh viêm phổi do Streptococcus pneumoniae)	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 công hợp phế cầu khuẩn - saccharid công hợp với CRM197)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	539310047525	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	1626/QĐ-BVKV	Hộp	1.400.490	50
5	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Vắc xin & Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	INTT217	Influvac Tetra	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 xylanh chứa 0,5ml hỗn dịch	870310304024	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	1626/QĐ-BVKV	Lọ	264.000	630
6	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Vắc xin & Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	VAXT247	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp - Gene-Hbvax (Phòng bệnh: Viêm gan B)	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	10µg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 10 lọ x 0,5ml	893310036423	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	Việt Nam	1626/QĐ-BVKV	Lọ	54.948	40
7	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Vắc xin & Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	VAXT245	Vắc xin Viêm gan B tái tổ hợp Gene-Hbvax (Phòng bệnh: Viêm gan B)	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	20µg/1ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Lọ 1ml	893310036523	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	Việt Nam	1626/QĐ-BVKV	Lọ	79.027	450
8	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	SHPT201	Shingrix (Phòng bệnh: do virus Herpes zoster (HZ) và các biến chứng liên quan đến HZ)	Kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 1 lọ bột đóng khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất bổ trợ AS01B	540310303224	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Bỉ	1626/QĐ-BVKV	Hộp	3.395.385	10

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
9	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Vaccin & Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	IVHT207	IVACRIG (Huyết thanh kháng đại tính chế)	Kháng thể kháng virus đại tính	1000 IU/ lọ 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 10 lọ x 1000 IU/lọ 5ml; Hộp 6 lọ x 1000 IU/lọ 5ml	QLSP-0778-14	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	1626/QĐ-BVKV	Lọ	430.186	1.300
10	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	BEXT203	Bexsero	Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. -Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Bột đông khô	Tiêm bắp	Hộp 1 lọ chứa 1 liều vắc xin bột đông khô và 1 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 1 bơm tiêm và 2 kim tiêm	885310306024	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	1626/QĐ-BVKV	Hộp	1.529.926	30
11	Nhóm 5	Công ty Cổ Phần Y Tế AMVGROUP	ABPT205	Abhayrab (Phòng bệnh: đại)	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 ống đựng môi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ống) và 10 xylanh vô trùng	QLVX-0805-14	Human Biologicals Institute	Ấn Độ	1626/QĐ-BVKV	Lọ	189.840	1.100
12	Nhóm 1	Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	VEVT211	Verorab Vắc xin đại (bất hoạt), điều chế trên canh cây tế bào (Phòng bệnh: Đại)	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU	300310305824	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Tiêm	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%; Hộp 10 lọ, mỗi lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%	300310305824	Sanofi Pasteur	Pháp	1626/QĐ-BVKV	Lọ	284.390	1.000
13	Nhóm 5	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	IMPT205	Imojev (Phòng bệnh: Viêm não Nhật Bản)	Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	4,0 – 5,8 log PFU	Bột đông khô	Tiêm	Hộp 1 lọ chứa 1 liều vắc xin bột đông khô và 1 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 1 bơm tiêm và 2 kim tiêm	885310306024	Global Biotech Products Co. Ltd	Thái Lan	1626/QĐ-BVKV	Lọ	695.218	50
<b>Gói thầu mua sắm Vắc xin 2025 (Lần 3) (1924/QĐ-BVKV 23/12/2025)</b>																
1	Nhóm 4	Công Ty TNHH MTV Dược Phẩm Vaccin Phúc Thịnh	HUTT321	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 20 ống, hai vi x 1.500 đvqt	893410250823 (QLSP-1037-17)	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	1924/QĐ-BVKV	Ống	34.852	1.000

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dược	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
2	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PRPT209	Prevenar 20 (Phòng bệnh: phòng bệnh xâm lấn và bệnh viêm phổi do Streptococcus pneumoniae)	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 công hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	539310047525	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	1924/QĐ-BVKV	Bơm tiêm	1.400.490	200
3	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	GAPT211	Gardasil 9 (Phòng bệnh: Ung thư cổ tử cung)	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Hỗn Dịch Tiêm	Tiêm bắp	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 ml vắc xin và 2 kim tiêm	001310178700	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG cấp 2 & xuất xứ: Merck Sharp & Dohme B.V	Mỹ, đóng gói Hà Lan	1924/QĐ-BVKV	Bơm tiêm	2.726.850	200
4	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	PRPT207	Priorix (Phòng bệnh: Sởi, Quai bị, Rubella)	Virus sởi; Virus quai bị; virus rubella	$\geq 103,0$ CCID50; $\geq 103,7$ CCID50; $\geq 103,0$ CCID50	Bột vắc xin đông khô	Tiêm	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi (nước cất pha tiêm) x 0,5ml và 2 kim tiêm	VX-1225-21	3M	Ả Rập	1924/QĐ-BVKV	Lo	270.000	120
5	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	VART203	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực	$\geq 10^3,3$ PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Tiêm dưới da	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm	001310177800 (QLVX-1139-19)	CSSX: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines; CSSX ống dung môi: Catalent Belgium SA; Aspen Notre Dame de Bondeville; CS xuất xứ: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CS đóng gói: GlaxoSmithKl	Bỉ	1924/QĐ-BVKV	Lo	836.164	30

STT	Nhóm TCKT	Tên Nhà thầu	Mã dực	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Dạng trình bày	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số quyết định	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng trúng thầu
<b>Gói thầu mua sắm sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng 2025 - KQ2500019274_2504011639 (02/04/2025)</b>																
1		Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Đất Việt	BOMT217	Bột Men Maltaz	Bột mông đại mạch	120g	Bột	Uống	Lon 120g	06/DDĐV/2019 ngày 15/07/2019	Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Đất Việt	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639	Lon 120g	60.000	96
2		Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam)	THPT261	Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y Học: Ensure Gold	Năng lượng; chất đạm; chất béo; chất bột đường; chất xơ; chất béo PUFA; Ca-HMB; YBG; khoáng chất và vitamin	380g	Bột	Uống	Hộp thiếc 380g	13/2022/ABB-CBSP ngày 07/12/2022	Abbott Manufactring Singapore Private Limited	Singapore	KQ2500019274_25 04011639	Hộp 380g	373.896	720
3		Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam)	THPT263	Thực phẩm dinh dưỡng y học: Glucerna hương vani	Năng lượng; chất đạm; chất béo; chất bột đường; chất xơ; GI; Inositol; khoáng chất và vitamin	380g	Bột	Uống	Hộp thiếc 380g	10/2022/ABB-CBSP ngày 21/10/2022	Abbott Manufactring Singapore Private Limited	Singapore	KQ2500019274_25 04011639	Hộp 380g	315.036	720
4		Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NUTIFOOD Bình Dương	THPT233	Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y Học Värna Complete (S)	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; Canxi; vitamin và khoáng chất	(400g) Năng lượng: 435kcal; Chất đạm: 17.5g; Chất béo: 14.5g; Chất tinh bột đường: 56.7g; Chất xơ: 4.2g; Canxi: 630 mg; Vitamin D3: 428 IU; khoáng chất và vitamin; Chất béo MUFA: 5.0g; Chất béo PUFA: 2.0g	Bột	Uống	Lon 400g	06/NTFBD/2022 ngày 07/10/2022	Nutifood Sweden AB	Singapore	KQ2500019274_25 04011639	Lon 400g	231.012	1.680
5		Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam	THPT239	Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y Học: Sản Phẩm Dinh Dưỡng – Vinamilk Sure Diacerna	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; Chất xơ; vitamin và khoáng chất	400g	Bột	Uống	Hộp 400g	01-A4/VNM/2022 ngày 13/01/2022	Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk)	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639	Hộp 400g	245.106	60
6		Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam	THPT265	Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y Học: Sản Phẩm Dinh Dưỡng – Vinamilk Sure Diacerna	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; Chất xơ; vitamin và khoáng chất	400g	Bột	Uống	Hộp 400g	01-A4/VNM/2025 ngày 31/03/2025	Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk)	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639 (1394/QĐ-BVKV)	Hộp 400g	245.106	1.380
7		Công ty TNHH Dược Phẩm Nutricare	THPT237	Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y Học Leanpro Peptizer	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; Đạm whey thủy phân thành peptide; vitamin và khoáng chất	400g	Bột	Uống	Lon 400g	30/2024/CBSP-NUTRI ngày 21/09/2024	Công ty cổ phần dinh dưỡng Nutricare	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639	Lon 400g	450.000	960
8		Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Đất Việt	THPT235	Thực phẩm bổ sung bột dinh dưỡng Enaz	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; vitamin và khoáng chất	(400g) Năng lượng: 417 kcal; Protein: 16.4g; Cacbohydrate: 61.3g; Lipid: 11.8g; Có Vitamin, khoáng chất	Bột	Uống	Hộp 400g	03/DDĐV/2019 ngày 15/07/2019	Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Đất Việt	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639	Hộp 400g	80.000	3.000
9		Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Đất Việt	THPT241	Thực phẩm bổ sung bột dinh dưỡng Enaz Fiber	Năng lượng; Protein; Carbohydrate; Lipid; vitamin và khoáng chất	(400g) Năng lượng: 418 kcal; Protein: 18.4g; Cacbohydrate: 61g; Lipid: 11.2g; Vitamin, khoáng chất	Bột	Uống	Hộp 400g	08/DDĐV/2019 ngày 15/07/2019	Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Đất Việt	Việt Nam	KQ2500019274_25 04011639	Hộp 400g	85.000	1.440